

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN

Thuật xử thế của người xưa



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

THUẬT XỬ THẾ CỦA NGƯỜI XƯA

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

LỜI GIỚI THIỆU

Ăn ở sao cho trải sự đời
Vừa lòng cũng khó há rằng chơi
Nghe như chọc ruột tai làm điếc
Giận dẫu cầm gan miệng mỉm cười.

Mấy câu thơ trên là của nhà văn hào Nguyễn Công Trứ (1778-1859). Nguyễn Công Trứ là một người mà cuộc đời đã mấy phen thăng trầm; khi còn là học trò nghèo đã phải làm người ở gánh đồ cho phường hát, khi làm quan có lúc phải giáng xuống làm lính. Nguyễn Công Trứ là người có tài kinh bang tế thế: đánh giặc giỏi, làm kinh tế giỏi, chính ông đã điều hành công việc đắp đê ngăn biển mở rộng đất đai canh tác thêm hai huyện Kim Sơn, Tiền Hải. Ông cũng là người có phong độ phóng khoáng hào sảng ít ai sánh kịp. Một người lỗi lạc như vậy mà phải thừa nhận: “Ăn ở sao cho trải sự đời – vừa lòng cũng khó há rằng chơi” thì đủ hiểu vấn đề đối nhân xử thế không phải dễ dàng xem thường.

Tác giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần lấy nhan đề cho sách: **Thuật xử thế**. Nói vậy rất đúng. Xử thế là một kỹ thuật, một nghệ thuật Tác giả vốn là một học giả đọc nhiều hiểu rộng Từ kho sách cổ kim đông tây, học giả chọn lọc những mẫu truyện chứa đựng những tư tưởng, cách ngôn, hành vi đặc sắc và sâu sắc để giúp cho độc giả suy ngẫm về cách xử thế.

Nhân vật trong các mẫu truyện đều là các danh nhân tên tuổi đã được ghi trong lịch sử. Như vậy, những cách xử thế của các vị thật đúng là những bài học có giá trị đối với chúng ta.

Huống nữa, những bài học này đã được lưu truyền qua nhiều thế hệ, nghĩa là đã chấp nhận sự thử thách của thời gian tức thì không phải tầm thường.

“Ôn cố tri tân” là một việc rất bổ ích.

Tuy nhiên không nên quên quan điểm lịch sử cụ thể và luật tiến hóa.

Cũng là truyện xưa, có câu truyện đánh dấu mạn thuyền tìm gươm: Có một người đang ngồi trên chiếc thuyền ở giữa dòng lỡ tay đánh rớt thanh gươm xuống sông: anh ta vội đánh dấu chỗ mạn thuyền để nhớ chỗ gươm rớt đặt đến bờ thì cứ chỗ ấy mà lội xuống nước tìm gươm. Tất nhiên không tìm thấy gươm.

Xưa là **xưa**, **nay** là **nay**. Cái gì đúng với **xưa** vị tất đúng với **nay**. Cứ khư khư giữ lại cái **xưa** trong khi hoàn cảnh không gian thời gian đã đổi thay rồi, ấy là giáo điều, bảo thủ, nệ cổ một cách lỗ bịch, giống như người đánh dấu mạn thuyền tìm gươm nói trên.

Nếu vậy, những bài học của **xưa** có ích lợi gì cho **nay**? Giá trị của chúng là ở điểm phương pháp luận. Học xưa không phải là máy móc làm “nguyên xi” như người xưa mà là xem cách xử thế của người xưa trong các trường hợp cụ thể từ đó suy xét, rút kinh nghiệm cho mình trong những tình huống cụ thể mình gặp. Học bao giờ cũng bao hàm sáng tạo.

Đọc cuốn sách này, độc giả có thể trở thành một người gàn dở, lỗi thì, ăn cơm mới nói chuyện cũ, không thích ứng với hiện tại, một quái tượng, một chướng ngại, một trò cười cho những người chung quanh hoặc trở thành một người thông tuệ, khôn ngoan, biết giải quyết tốt đẹp mọi công việc, làm vừa lòng mọi người và tránh cho mình những lúng túng, vụng về, lỗi lầm đáng tiếc.

Trở thành **thế này** hay **thế kia** là do nơi độc giả **biết** hay **không biết** sử dụng sách. Con ngựa hay nếu vào tay người không biết cưỡi, thanh kiếm sắc nếu vào tay người không biết

dùng, cũng trở nên vô dụng thậm chí có hại, ấy cũng là một lời nhận xét, một kinh nghiệm của người xưa để lại cho đời sau.

Giáo sư HOÀNG NHƯ MAI

PHI LỘ

CỔ NGẠN nói: “Mặt trời không có, đối với kẻ đui, sấm sét không có, đối với người điếc”.

Văn hào Đức, Hermann de Keyserling, có thuật câu chuyện ngộ nghĩnh này: “Một mục sư kia nói với đứa con trai mười lăm tuổi của ông: Từ mười lăm đến hai mươi tuổi, cha cho con có quyền tin tưởng con thông minh hơn cha; – từ hai mươi đến hai mươi lăm tuổi, cha cũng cho con có quyền tin tưởng con thông minh bằng cha; – nhưng, từ hai mươi lăm đến ba mươi tuổi thì cha bắt buộc con phải nhìn nhận cha thông minh hơn con một cách tuyệt đối vậy”.

Chưa kinh nghiệm mà nghe bàn đến cái khôn ngoan do kinh nghiệm mà có kia, làm sao tin được, làm sao không mỉm một nụ cười ngờ vực được.

Tôi đã từng sống qua cái tâm sự của thanh niên, tôi cũng đã từng mỉm một nụ cười ngờ vực.

Nhưng hôm nay, tôi không còn giữ được nụ cười ấy nữa Cái hay của cổ nhân, cũng như cái dở của cổ nhân đều có thể là những bài học thâm trầm cho ta tất cả “Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi”.

Bởi vậy tôi phải thấp hươu mà đọc lại những gì xưa kia tôi ngờ vực.

Nguyễn Duy Cần

THAY LỜI TỰA

TRANG TỬ nói: “Có lò là để bắt cá, đừng cá, hãy quên lò. Có dò là để bắt thỏ, đừng thỏ, hãy quên dò. Có lời là để tỏ ý, đừng ý, hãy quên lời Ta làm sao tìm đừng kẻ biết quên lời để cùng nhau đàm luận”.

Một ngày kia, Phật chỉ trăng, bảo các đệ tử: “Kìa là mặt trăng: cứ ngó theo ngón tay ta thì thấy. Nhưng, nên nhớ: ngón tay ta không phải là trăng. Những lời ta giảng về Đạo cũng vậy: các con cứ nghe lời ta giảng mà tìm Đạo. Nhưng nên nhớ: lời giảng của ta không phải là Đạo”.

Bàn đến cái đạo xử thế hôm nay, đâu có khác nào: chẳng qua là “cái dò săn thỏ” hay “cái ngón chỉ trăng”

Và chỉ có thể thôi

THU GIANG

Cái gì cũng biết, mà cái đạo làm người chưa biết, chưa gọi được là người khôn.

HOÀI NAM TỬ

Ở đời, không có cảnh ngộ nào dễ xử

TĂNG QUỐC PHIÊN

Người ta mà có bỏ được những cái khôn vặt mới có thể khôn lớn được

KHÔN, chết

DẠI chết

BIẾT, sống

TRANG TỬ

CHƯƠNG THỨ NHẤT: LÒNG TỰ ÁI

NGƯỜI XƯA có nói: “Giữa chốn ba quân có thể đoạt được soái ấn nhưng không thể đoạt được cái chí của kẻ thất phu”.

Kẻ nói câu này, thật đã khám phá được cả tâm sự của loài người.

Người ta, dầu là một kẻ tầm thường đến bậc nào, bao giờ cũng cho ý kiến mình là quan trọng hơn tất cả. Cái “tôi” có phải là dễ ghét đâu theo như lời của Pascal. Nó là cái chữ dễ yêu nhất trong đời. Nhưng, vì ta đã quá nâng niu chịu đựng nó mà thành ra cách xử lý tiếp vật trong đời ta gây không biết bao nhiêu sự vụng về, ân hận, đau khổ, tai ương. Và cũng chính vì thế mà Pascal mới thốt ra câu nói chua cay này: “Cái tôi rất đáng ghét”.

Nó chẳng những dễ yêu mà thôi, nó lại là trung tâm điểm của vũ trụ là khác. Bao nhiêu sự vật trong đời, chung quy đều quay quần theo cái cốt ấy: Bản ngã.

Bởi thế, muốn đoạt cái chí của một kẻ thất phu, người xưa cho là khó khăn hơn là đoạt soái ấn giữa chốn ba quân.

Dùng cường lực, dùng uy thế mà bức người phải nghe theo mình, không bao giờ làm được; mà dầu có làm được đi nữa thì cũng chỉ là một việc làm có thể được tạm thời thôi.

Ở đời không ai có thể chịu nhận mình là quấy cả. Dầu là tay đại gian, đại ác như Tào Tháo cũng không chịu nhận mình là gian ác. Tào Tháo thường xưng mình là vì dân vì nước, mà Lưu Bị cũng tin mình vì nước vì dân. Godse, người ám sát Gandhi mà thiên hạ phần đông nguyên rửa, vẫn tươi cười trước khi chịu tử hình. Bởi vậy, bàn cãi với người và muốn đem cái lẽ phải của mình ép buộc họ phải nghe theo thì chắc chắn không bao giờ được, lại còn gây thêm lăm điều không hay khác trong tình giao hảo hằng ngày.

Thuở nhỏ, tôi là người thích cãi nhất. Tính hiếu thắng xui tôi bao giờ cũng không chịu nhận một ai cả, dầu trong một lời nói tầm thường cũng vậy. Trong những cuộc cãi vã, không bao giờ tôi chịu nhượng ai một lời. Rủi mà lời nói mình không được người để ý đến hoặc bị ruồng rẫy, bỏ qua, thì không gì buồn khổ bức tức bằng. Nói thì có hơi quá đáng, nhưng sự thật tâm sự tôi bấy giờ không khác gì tâm sự của Khuất Nguyên, có điều là không đến nỗi đi trầm mình nơi sông Bộc

“Khuất Nguyên, làm quan cho Hoài Vương nước Sở bị sàm báng phải bị đuổi đi. Mặt mũi tiều tụy, hình dung khô héo một ông lão đánh cá trông thấy, hỏi: Có phải ông là Tam Lư đại phu đó chăng? Sao mà đến nỗi khốn khổ thế? Khuất Nguyên nói: Đời đục cả, một mình ta trong, người say cả, một mình ta tỉnh. Bởi vậy, ta phải bị bỏ đi”.

Đâu phải đó là riêng gì tâm sự của Khuất Nguyên, mà là tâm sự chung của mọi người. Tại sao mình muốn cho người ta phải nghe theo mình mà không để cho người ta như mình, nghĩa là theo cái ý nghĩ của người ta?

Tuổi thanh xuân thường vì huyết khí bùng bột nên không chịu coi vào đâu những ý kiến của các bậc cao niên đầy kinh nghiệm hơn. Dầu có muốn cho mấy cũng không làm gì tránh khỏi sự xung đột giữa hai thế hệ. Vậy, làm cha mẹ bây giờ, tại sao ta không biết lấy cử chỉ khôn ngoan của nhà mục sư kia đối với đứa con trai mười lăm tuổi của ông mà xử với con

mình? Ông mục sư ấy bảo với con ông: “Từ mười lăm tuổi đến hai mươi tuổi, cha cho phép con tin rằng con thông minh hơn cha. Từ hai mươi đến hai mươi lăm tuổi, thì con cũng có quyền tin rằng con thông minh bằng cha. Nhưng bắt đầu từ hai mươi lăm tuổi sắp lên, thì cha bắt buộc con phải nhìn nhận sự thông minh của cha hơn con nhiều một cách tuyệt đối vậy”. Thật, ông cha này là một ông cha thông minh và khôn ngoan nhất. Tôi đã từng trải qua những giai đoạn ấy, những lúc mà huyết khí đã đưa tôi lên tận mây xanh của lòng tự phụ, không xem vào đâu sự kinh nghiệm của bậc tiền nhân và đã đưa tôi vào những cuộc phiêu lưu tinh thần không bờ bến. Mỗi một ý nghĩ gì chạm đến lòng tự phụ của tôi, thì tôi quyết đánh đổ đến kỳ cùng nhất nguyện không bao giờ chịu để cho ngã lẽ dẫu biết mình là sai lầm. Lắm khi nằm đêm suy nghĩ biết mình quấy nát, thế mà lòng tự ái cấm cản không cho mình đi về đường phải. Ước gì người ta đều biết cư xử với bọn thanh niên của chúng tôi như ông mục sư kia thì biết bao nhiêu thanh niên đã không liều lĩnh đi vào con đường lãng mạn và đầy chông gai của những lý tưởng mù mờ, nhưng khôn ngoan là biết chiều theo lòng thị dục đương buổi của chúng tôi. Thật ông mục sư trên đây là người hiểu rõ tâm sự của thanh niên nhiều lắm.

Đừng công kích, đừng biếm nhẽ, đừng mạt sát ai nghĩa là đừng chạm vào lòng tự ái của ai cả, nếu mình muốn người ta nghe theo mình, nghe theo cái lẽ phải của mình. Hơn nữa, cái thiện cảm đầu tiên mà mình gây được nơi lòng người rồi, đó là cái chìa khóa của thành công của mình sau này vậy.

Thương nhau mọi sự chẳng nề,
Dầu trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.

Trái lại, nếu mình vô tình gây lấy ác cảm lúc ban đầu thì con đường thất bại của mình đã gạch sẵn:

Yêu ai, yêu cả đường đi,
Ghét ai, ghét cả tông chi họ hàng.

Huống chi tư tưởng của mình, nếu có sự yêu ghét chen vào trước, thì sự thuận nghịch thấy liền trước mắt. Lý luận danh thép bậc nào, bằng cứ dôi dào bậc nào cũng không làm gì chuyển được cái ác cảm gây ra lúc ban đầu.^[2]

Huống chi trong khi bàn bạc, mình cũng phải kể đến trình độ của kẻ khác. Dầu người ấy có ngu si vụng dại đến đâu, phải biết cho họ cũng có cái lý của họ, hoặc vì trình độ hiểu biết của họ chỉ đến ngần ấy là cùng. Đối với người thấp, đừng dùng lời quá cao mà thành ra cầu kỳ lập dị; đối với người cao đừng dùng lời lẽ quá thấp mà bị người khinh thường búng rỏ.

Khổng Tử có nói: “Trung như dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng dã; trung như dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã”. Bực trung trở lên, thì có thể dùng lời cao mà nói được; từ bực trung trở xuống, không thể dùng lời nói cao mà nói được nữa. Một câu đọc thuộc lòng thuở nhỏ, đến nay mới hiểu được tất cả ý nghĩa thâm trầm của nó.

Trang Tử lại còn nói rõ ràng hơn: “Đồng ý với ta, cho ta là phải; không đồng ý với ta, cho ta là quấy. Đã cho ta biện bác cùng anh, anh được, ta không được, vậy anh đã hẵn là phải, mà ta đã hẵn là quấy chăng? Ta được, anh không được, vậy ta đã hẵn là phải, mà anh đã hẵn là

quấy chẳng? Hay là hoặc khi phải hoặc khi trái chẳng? Hay là ta cũng phải cả, cùng quấy cả chẳng? Ta cùng anh không thể biết được nhau vậy. Giờ ta phải nhờ đến ai để quyết định điều đó? Nhờ kẻ đồng với anh để quyết định điều đó ư? Họ đã đồng với anh, thì làm sao mà quyết định được. Nhờ kẻ đồng với ta để quyết định điều đó ư. Họ đã đồng với ta thì làm sao mà quyết định được. Vậy phải nhờ kẻ khác với ta và với anh để quyết định điều đó ư? Họ đã khác với ta và với anh thì làm sao mà quyết định được. Vậy thì, ta cùng anh, cùng người đều không thể hiểu biết nhau, còn phải đợi kẻ khác nữa ư?”.

Câu này đã làm cho tôi tỉnh ngộ nhiều lắm. Thật vậy, cái phải quấy của thiên hạ chẳng qua ở chỗ thuận nghịch với những ý tưởng có sẵn của mình thôi. Chỉ có một sự đồng cùng không đồng mà lời mình nói, việc mình làm ra phải hay quấy. Và chỉ có thể thôi. Trình độ hiểu biết của ta không thể bắt buộc ta phải nhận được những điều mà ta chưa thể hiểu được. Không chịu hiểu thế, mà gắng gượng làm cho kẻ khác cũng phải ngã lẽ theo mình thật mình còn mê hơn họ nữa, nếu họ thật là người mê. Đã vậy, lại còn bực tức bất bình chỉ vì người ta không chịu hiểu theo mình tôi tưởng không còn gì ngu si hơn nữa. Mình nói mà người ta không hiểu, biết đâu không phải vì người ta ngu, mà là vì mình ngu, nghĩa là mình không biết cách làm cho người ta hiểu. Cũng như làm thầy dạy học trò mà học trò không hiểu, đừng vội cho chúng là ngu, mà phải tự trách vì mình không biết cách làm cho chúng hiểu.

Tại sao biết chắc điều mình nghĩ là phải mà của người ta quấy? Cái sướng của người trí, kẻ ngu lấy làm bực mình; cái sướng của kẻ ngu, người trí cũng lấy làm bực mình vậy. Phải quấy là một lẽ tương quan, đối với mình cũng như đối với người. Vậy, cãi nhau về điều phải lẽ quấy, thật là một điều khó được ổn thỏa.

Lại nữa, biết đâu sự hiểu biết của mình, lại không phải chỉ là một sự hiểu biết vụn vặt, chi ly như cái biết của người mù sờ voi

Bốn anh mù hội nhau quan sát con voi. Người thứ nhất sờ đụng cái chân, bèn nói: “Con voi giống như cột trụ”. Người thứ hai sờ trúng cái vòi, bèn nói: “Đâu phải, nó giống cái chùy”. Người thứ ba đụng cái bụng, vuốt ve một hồi, rồi nói: “Theo tôi, nó giống cái chum đựng nước”. Người thứ tư lại nắm đúng cái lỗ tai: “Trật cả. Nó giống như cái nia”. Bốn người cãi nhau om sòm không ai chịu ngã lẽ cả. Ngã lẽ thế nào được chứ! Chính bàn tay mình sờ mó nó, chứ phải là nghe ai nói lại sao mà bảo là mơ ngủ. Làm cách nào bảo cho mình chịu được rằng con voi giống như cái nia trong khi chính tay mình ôm nó đây, thật tròn và dài như cây trụ

Có người đi qua, dừng lại hỏi vì đâu có sự cãi lầy đường ấy. Họ bèn thuật lại những điều họ đã nhận thức đó và cây người ấy làm trọng tài, người ấy cười, bảo: “Không có một ai, trong bốn anh em, là thấy được rõ con voi như thế nào. Nó đâu có giống cây cột nhà, mà chính chân nó giống như cây cột. Nó đâu có giống cái nia, mà cái tai nó giống cái nia. Nó đâu có giống cái chum đựng nước mà cái bụng nó giống cái chum đựng nước. Nó cũng đâu có giống cái chùy, mà chính cái vòi nó giống cái chùy. Con voi, là chung tất cả những cái ấy: chân, lỗ tai, bụng và vòi”.

Sự vật trong đời nó thiên hình vạn trạng, chắc gì mình có thể biết được tất cả phương diện của sự đời, và có biết đâu điều mình biết kia chỉ là một trạng thái của sự vật thôi. Chỉ có

những bức sáng suốt nhất mới dám tự hào là thấy đặng chân tướng sự vật, nhưng mà cũng biết đâu họ chỉ biết được nhiều phương diện hơn mình thôi, chứ không phải là biết được tất cả phương diện. Sự phải biết thì vô cùng, còn sức hiểu biết của mình thì có hạn; lấy cái hữu hạn mà lượng cái vô cùng thật khó lòng mà làm nổi.

Cãi về con voi của những người mù này, cũng không khác gì cãi nhau về con kỳ nhông của cổ tích: một sự bàn cãi về cái chuyển của sự vật.

Có người kia bảo với bạn nó: “Tôi đứng dưới gốc cây đằng kia, thấy rõ ràng một con thú quái lạ, đỏ như lửa”. Người nọ bảo: “Tôi cũng thấy con thú ấy vậy, nhưng nó xanh lè kia mà!”. Một người thứ ba đi ngang qua, nghe vậy xía vô: “Đâu phải, tôi thấy rõ ràng nó vàng như nghệ vậy”. Rồi thì người đi đường xúm lại nghe, ai cũng bảo chính mình thấy như thế này như thế khác Cãi nhau kịch liệt, không ai chịu của ai đúng hơn của mình Họ vừa tính choảng nhau, thì có một người lạ khác vào can: “Không! Không! Các anh đừng cãi nữa. Chính tôi là người sống dưới cội ấy nên tôi nhận rõ sự biến đổi của con thú ấy. Nó là con kỳ nhông, nó đổi sắc luôn luôn. Khi thì đỏ, khi thì vàng, khi thì xanh, khi thì tím. Và riêng tôi, có lúc lại thấy nó không có màu sắc gì cả và giống hệt với cái da cây...”

Sự vật ở đời đâu phải luôn luôn như thế này, hay luôn luôn như thế kia đâu. Thay đều là một sự thay đổi không ngừng. Điều mà mình cho là phải hôm nay, biết đâu ngày mai lại thành một sự quấy. Cái lợi hôm nay, biết đâu sẽ là cái hại của ngày mai.

“Một ông lão có con ngựa, một hôm tự nhiên đi mất. Hàng xóm đến chia buồn. Ông nói: “Mất ngựa, nhưng sao các ông biết đó là họa cho tôi?”

Cách mấy tháng, con ngựa lại trở về, dẫn theo một con ngựa hay nữa. Hàng xóm cũng đến chia mừng. Ông nói: “Được ngựa hay, thế nhưng sao các ông biết đó là phúc cho tôi?”

Từ ngày được ngựa hay, con trai ông lão ngày nào cũng thích cưỡi, rủ té, què chân Hàng xóm đến chia buồn. Ông nói: “Con tôi què nhưng sao các ông biết đó là họa cho tôi?”

Năm sau có giặc. Nhà vua bắt lính... Thanh niên đi lính, mười người chết đến chín. Con trai ông vì què khỏi đi lính, nên cha con còn hủ hỉ với nhau.^[3]

Một hiền giả Ấn Độ, ngày kia, xem bài các đệ tử phê bình về một bài thơ của mình. Có người đệ tử, trước kia trình cho thầy bài luận của mình, lại đối nhau xem trước. Họ nên cãi nhau không ai chịu nhận bài của bạn mình là đúng. Thế rồi, họ bảo nhau để coi thầy sẽ phán đoán cách nào. Ông thầy xem đến bài của từng người đều gật đầu khen phải cả. Đến lượt hai người này, thầy cũng gật đầu khen đúng nữa. Một người liền đứng lên phản đối: “Thưa thầy, bảo rằng bài của các bạn con đều đúng, thì con không dám cãi, vì con không được biết họ nói gì trong đó. Chớ như đối với bài của anh này, thì con chắc chắn không thể nào thầy cho là đúng được, trong khi thầy cũng nhận cho bài của con cũng đúng nữa. Hai chủ trương của chúng con quả quyết không thể bên nào dung được bên nào: hễ anh ấy phải thì con quấy; mà con phải thì anh ấy quấy.”

Ông thầy mỉm cười, ôn tồn bảo: “Hai trò đều bàn đúng cả đấy. Sở dĩ trò này nói vậy là tại cái trình độ hiểu biết của nó chỉ đến đó là cùng. Sao có thể bảo nó nói sai hay hiểu sai cho được! Bài thơ của thầy như vàng Thái Dương, hoa nào cũng nhờ ánh Thái Dương mà nở,

nhưng cây nào nở hoa nấy; cây này không nở hoa kia, mà cây kia không thể nở hoa nọ được
Sao có thể bài của người này phải mà bài của kẻ kia quấy!"

Nếu ở đời, ai cũng biết lấy cái lượng của hiền giả này mà xử, thì ắt không bao giờ cần phải
học đến thuật xử thế mà việc gì trong đời cũng sẽ được xuôi chèo mát mái cả

CHƯƠNG THỨ HAI: CHỮ LỄ CỦA Á ĐÔNG

NHƯ TA đã thấy: lòng tự ái là nguồn gốc lớn của muôn sự đắng cay chua xót ở đời. Muốn cho tâm hồn được bình tĩnh thời không có gì kỵ bằng lòng tự ái. Trong các thị dục, thị dục về lòng tự ái là vô độ hơn cả: trong các khổ não, cái khổ não do lòng tự ái gây ra là khó tránh và thường thống thiết hơn.

“Lòng tự ái đã là cái cừ địch cho sự bình tĩnh bên trong, nó lại cũng là cái cừ địch cho sự yên ổn bên ngoài nữa. Phàm khi lòng tự ái được thỏa mãn là tất có xâm phạm đến ngoài

“Lòng tự ái bao giờ cũng chăm chăm đấu đấu chỉ chực có dịp miệt kẻ khác để cho khỏi bị kẻ khác miệt mình, thành ra bao giờ cũng cứ quanh quanh dòm dò người ta; xem ai có gì xấu thì phô trương lên, ai có gì tốt thì bài bác đi, để nuôi cái lòng tự đắc của mình”.

Xem đầy đủ rõ câu “ấn ác dương thiện” của cổ nhân, khó khi thi hành biết chừng nào! Tại sao? Tại lòng tự ái của chúng ta quá nặng, thường tin rằng dìm được người ta là đem được mình lên, chê cái dở của người tức là đem được cái hay của mình ra. Thật không gì vụng về bằng khiến nên, ở đời, trong sự giao tế hằng ngày, gây cho ta không biết bao nhiêu điều khốc hại

Tóm lại, tất cả mật pháp của thuật xử thế có thể gồm trong hai nguyên tắc quan trọng này:

1. Chớ chạm vào lòng tự ái của ai cả;
2. Ấn ác dương thiện.

Nguyên tắc thứ nhất thuộc về tiêu cực; còn nguyên tắc thứ nhì, thuộc về tích cực. Cả hai không phải là những câu châm ngôn chỉ sự khôn dại cho người đời mà thôi, mà thật ra nó là câu nói của lòng Nhân, hay ít ra, của lòng yêu chuộng Công Bình.

Người xưa há không có bảo: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhơn” sao? Cái gì mình không muốn người làm cho mình, thì đừng làm cho kẻ khác. Có ai là người muốn bị người ta chạm đến lòng tự ái của mình không? Thế sao mình lại thích lấn áp người trong lời nói để người ta phải đỏ mặt, tía tai cho cam. “Làm cho người ta cùng lý đến phải ngậm miệng, đỏ mặt, toát mồ hôi, mình tuy hả lòng thật, nhưng đấy là người nông nổi khất khe làm sao”.^[4] Thế là bất công, mà cũng là bất nhân nữa

Nhưng rồi, hả lòng được một ít mà lắm khi còn di hại cho mình đến thảm khốc cũng không chừng. Thế thì đâu phải chỉ bất công, bất nhân mà lại còn bất trí nữa là khác.

Chữ Lễ của người Á Đông trong đạo xử thế thật có thể bao hàm được cả cái ý nghĩa đã vừa nói ở trên. Lễ, theo Á Đông, chẳng những có ý nghĩa là tự trị, tự chủ,^[5] mà cũng có nghĩa là Nhân nữa. Nếu phải nói tắt một lời, thì tôi nói: tất cả thuật xử thế của người Á Đông, đều ở trong một chữ Lễ.

Lễ, là nhún nhường, đem cái bản ngã của mình để sau kẻ khác, đâu phải vì giả dối du mỹ để mưu lợi cho mình. Lễ, là tránh cái đau khổ cho bản ngã kẻ khác bằng cách hy sinh bản ngã của mình. Lễ, là không chạm đến lòng tự ái của ai cả. Lễ, là che cái xấu, giấu cái dở và biểu dương cái hay cái đẹp của người ta. Phải là một người không ích kỷ, diệt được cái bản ngã của mình rồi mới làm nổi việc ấy, làm một cách thân nhiên, vô tư lợi

Hiểu được tất cả cái ý nghĩa thâm sâu của chữ Lễ, và học được bấy nhiêu thôi, là đã học được cái mật pháp của thuật xử thế rồi

A. – Nhất là người trên mà đối với kẻ dưới cần phải cẩn thận nhiều về chữ Lễ, vì kẻ dưới với cái tâm cảm tự ty của họ, khó mà tha thứ những điều sơ suất của ta về lễ độ được. Người trên mà thất lễ với kẻ dưới, là một sự thường rất dễ hiểu: kẻ phú quý hay tài hoa hơn kẻ khác thường dễ sinh tự phụ và kiêu khí. Nhưng họ nào có dè, kết quả của sự kiêu căng vô lễ của họ nó nguy hiểm thâm độc không biết chừng nào

Philippe, vua nước Macédoine, khi đang đem quân vây thành Méthone, có một tên cung thủ đại tài tên là Aster đến xin vào đội tinh binh của nhà vua. Người ấy khoe rằng tài nghệ cung tiễn hay lắm, chim bay đâu lẹ đến bực nào, y bắn cũng không sai bao giờ. Vua ghét đứa khoe mình nên phán rằng: Được, để bao giờ ta đánh trận với chim sẻ, bấy giờ ta sẽ dùng đến tài ngươi.

Aster nghe câu nói mỉa mai ấy, lấy làm căm tức vô cùng, liền chạy thẳng vào thành bị vây chờ dịp trả thù.

Một hôm, Aster đứng trên bờ thành, thấy vua Philippe đang đi kinh lý các trại quân đóng ngoài thành, liền lấy một cây tên, viết vào mấy chữ: “Gởi cho con mắt bên hữu vua Philippe”, rồi bắn xuống. Tên trúng giữa mắt phải của vua. Vua sai sứ cầm chiếc tên vào trả lại trong thành giặc, phê lên trên mũi tên rằng: “Ta mà lấy được thành này, Aster sẽ bị xử giáo”. Sau quả y lời.

Vua Philippe, thật đã mua đắt cái cao thủ được nói một lời có ý vị. Nhưng mà, Aster lại mua rất đắt cái thú trả được thù. Cái lòng hiềm thù nhiều khi nó ngộ chúng ta mà đưa chúng ta đến chỗ bại. Cái tính châm chính người ta cũng chẳng nguy hiểm kém gì. Đành rằng nói được những câu thâm trầm khiến cho kẻ khác sợ ta, nhưng chúng sợ ta thì ít mà lòng oán hận lại nhiều. Những lời nhạo báng để lấn áp người, để thỏa được lòng tự ái của mình, khiến cho lòng người bị chạm lấy đau khổ không thể quên được. Thường thường người ta có thể tha thứ cho ta một cái tội ác dễ hơn là tha thứ cho ta một lời nói độc.

Nam Cung Trường Vạn, một người trong bầy tôi của Tống Mẫn Công, bị giặc Lỗ bắt.

Tống Mẫn Công cho người đến xin vua Lỗ tha cho. Lỗ Trang Công cho Nam Cung Trường Vạn về nước.

Khi thấy Nam Cung Trường Vạn, Tống Mẫn Công nói đùa: “Ngày trước ta kính trọng ngươi; bây giờ ngươi là tù nhân nước Lỗ, ta không kính trọng nữa”.

Nam Cung Trường Vạn then đỏ mặt, cáo từ lui ra.

Quan đại phu Cừu Mục nói riêng với Tống Mẫn Công: “Vua tôi giao tiếp nhau, cần phải giữ Lễ, không nên đùa bỡn. Đã đùa bỡn thì lòng hết kính mà lòng lại sinh ra mối phản nghịch. Chúa công nên nghĩ kỹ đến điều ấy”.

Tống Mẫn Công nói: “Ta với Nam Cung Trường Vạn là chỗ thân nhau lắm, cần gì điều ấy”.

Ngày kia, Tống Mẫn Công cùng Trường Vạn đánh cờ. Mẫn Công là tay cao cờ. Trường Vạn thua luôn mấy ván, phải bị phạt uống một bát rượu lớn. Trường Vạn đã ngà ngà trong lòng không phục, xin đánh thêm ít ván nữa.

Mẫn Công nói: “Tù nhân thì tất phải thua, lại còn dám xin đánh nữa à!”.

Trường Vạn xấu hổ không nói.

Bỗng có sứ giả nhà Châu đến báo tin vua Trang Vương mất và vua Hi Vương mới lên ngôi.

Mẫn Công nói: “Nhà Châu có vua, vậy ta nên sai người vào triều”.

Trường Vạn thưa: “Tôi nghe nói kinh đô nhà Châu đẹp lắm, mà mắt chưa được xem, xin chúa công cho tôi đi sứ”.

Mẫn Công cười, lại đùa nữa: “Khi nào Tống không còn ai nữa mới sai đến tù nhân đi sứ”.

Các cung nhân đều cười ầm cả lên. Trường Vạn mặt đỏ bừng thẹn quá chẳng nghĩ gì đến lễ chúa tôi nữa, bèn quát to lên: “Hôn quân! Mày phải biết tù nhân này cũng có thể giết được người chớ!”.

Mẫn Công nổi giận, giật lấy kích của Trường Vạn thì Trường Vạn thuận tay vác bàn cờ đánh Tống Mẫn Công ngã xuống, rồi đâm luôn mấy cái. Mẫn Công tắt thở.

Trường Vạn làm phản luôn, và lập vua khác lên ngôi.

Công tử Tống và công tử Quy Sinh đều là quý tộc nước Trịnh. Hai người cùng hẹn nhau vào triều.

Bỗng đầu ngón thực chỉ của công tử Tống tự nhiên máy động. Công tử Tống mới giơ ngón tay cho công tử Quy Sinh xem. Quy Sinh lấy làm lạ. Tống nói: “Bao giờ ngón thực chỉ của tôi máy động thì ngày hôm ấy thế nào cũng được ăn một món gì quý lạ”.

Vào đến triều Trịnh Linh Công nhân vừa bắt được một con giải, bảo làm thịt đãi các quan. Linh Công mời hai công tử cùng ở lại dùng tiệc với vua.

Quy Sinh nhớ lại câu chuyện ngón tay thực chỉ của công tử Tống, bèn ngó Tống mà cười chúm chím mãi

Linh Công hỏi, Quy Sinh thuật lại cho Linh Công nghe. Linh Công gật đầu, không nói gì, lại nghĩ một việc tác quái Bèn kêu tên dọn yến, báo ngầm: “Đừng dọn món thịt giải cho công tử Tống”.

Đến lúc dự yến, các quan khách đều được ăn thịt giải, trừ công tử Tống ngồi ngơ ngáo, Linh Công cười bảo: “Thế thì ngón thực chỉ của công tử hết linh rồi”.

Các quan đều cười ầm cả lên.

Công tử Tống thẹn đỏ mặt, đứng dậy, xô bàn và bước đến gần bên vua, lấy tay nhúng vào bát canh giải của vua, cầm lấy một miếng vừa ăn vừa nói: “Ngón thực chỉ của ta vẫn linh kia mà!”

Vua kêu tả hữu vây bắt.

Công tử Tống thoát khỏi, rồi lập mưu giết Linh Công trong giấc ngủ.

Tống Mẫn Công và Trịnh Linh Công nào có dè những lời nói đùa của mình có những cái kết quả khốc hại đến thế. Ý là chỗ chí thân nên không thận trọng, hai ông đâu có ngờ cái địa

vị cao cả của mấy ông đã là một điều mà kẻ dưới của mấy ông khó dung túng mấy ông được rồi, huống hồ lại còn bị các ông điểm nhục

B. – Kẻ nghèo thường hay sợ kẻ giàu khinh. Kẻ hèn thường hay sợ kẻ sang khinh. Cái tâm cảm tự ty thường khiến họ có những cử chỉ tự trọng thái quá: họ rất dễ bị phẫn khích vì những thói khinh bạc của người trên. Ta nên biết mà tha thứ trước cho họ: chẳng qua đó là một lối họ trả thù cái địa vị cao sang tài đức của mình hơn họ mà thôi.

Vua Tuyên Vương nước Tề đến chơi nhà Nhan Súc.

Vua bảo: “Súc, bước lại đây”.

Nhan Súc cũng bảo: “Vua, bước lại đây”.

Các quan thấy vậy nói: “Vua là bậc chí tôn. Súc là kẻ thần hạ. Vua bảo: “Súc, lại đây”; Súc cũng bảo: “Vua, lại đây”, như thế có nghe được không?”.

Nhan Súc nói: “Vua gọi Súc mà Súc lại, thì ra Súc là người ham mộ thần thế. Súc gọi vua mà vua lại, thì vua là người quý trọng hiền sĩ. Nếu để Súc này mang tiếng ham mộ quyền thế thì sao bằng để vua được tiếng quý trọng hiền tài”.

Vua nghe lời nói cao ngạo, giận lắm, gắt lên:

- Vua quý, hay sĩ quý?

- Sĩ quý, vua không quý.

- Có cách nào nói thế không?

- Có. Ngày trước nước Tào sang đánh nước Tề có hạ lệnh: “Ai dám đến gần mộ Liễu hạ Huệ mà kiếm củi, thì phải xử tử”. Lại cũng có lệnh: “Ai lấy được đầu vua Tề thì được phong hầu và thưởng nghìn lượng vàng”. Xem như thế đủ rõ cái gì quý hơn cái gì

Tử Kích là một bậc quyền quý, gặp Điền Tử Phương, một hàn sĩ, ở giữa đường, liền xuống xe chào, Tử Phương làm lơ, không đáp lại.

Tử Kích giận, hỏi Tử Phương: “Kẻ phú quý hay khinh người đã đành, kẻ bần tiện có khinh người được không?”.

Tử Phương nói: “Kẻ bần tiện mới hay khinh người. Vua mà khinh người thì mất nước, quan mà khinh người thì mất nước. Còn kẻ học thức, xử cảnh bần tiện, đi đến đâu mà lời nói vua quan không dùng, việc làm vua quan không theo, thì xỏ chân vào giày đi ngay lập tức, đến chỗ nào chẳng được bần tiện, còn có lo sợ gì mà không dám khinh người”.

Đối với kẻ quyền quý, kẻ sĩ thường có những cái ngạo khí ấy, cốt để bù vào cái địa vị thấp kém của mình. Bởi vậy, những thói biếm nhẽ kiêu căng thường thấy trong bọn người bất đắc chí Xem đấy đủ thấy, kẻ dưới, trong cái địa vị thấp kém của họ, khó mà thoát khỏi cái tâm cảm tự ty, cho nên cũng rất khó mà dung tha cái thói ngạo nghễ của người trên: lòng tự ái của họ rất khắt khe, thắc mắc từng ly, từng tý.

Trong tình bạn bè, kẻ có tài hoa hoặc địa vị hơn bạn mình càng phải biết gặt gao gìn giữ chữ Lễ trong tình giao hữu hằng ngày.

Cũng một lời nói, cũng một cử chỉ, mà khi là bạn áo vải với nhau thì không có điều gì xích mích, mà lúc kẻ thành công, người thất bại, kẻ cao sang, người dân đã lại không thể tha thứ cho nhau

Có nhiều người tự hỏi: Ta và anh ấy là một đôi bạn chí thân, nhường cơm xẻ áo cho nhau. Thế sao ngày nay tình anh em ngày một lạnh nhạt, mặc dầu ở địa vị cao sang mình vẫn không thay đổi tấm lòng. Trong trường hợp này, kẻ nghèo kém hơn bao giờ cũng dễ nghĩ mình bị khinh khi. Cái địa vị cao sang của mình là bức rào đã chia đôi tâm hồn. Kẻ thấp kém, vì sợ bị khinh khi, nên hay tỏ ra ngạo nghễ. Vậy muốn nối lại tình bằng hữu, phá tan cái rào giai cấp kẻ giàu sang hơn cần phải khéo xử nhũn nhặn hơn mới được. Cũng như hai bạn mà xích mích với nhau, kẻ không có lỗi phải xin lỗi người có lỗi đừng để người bạn có lỗi của mình đau khổ về vấn đề thể diện

Phan Thanh Giản có một người bạn thân quen biết từ khi còn đi học. Bạn cụ học giỏi mà nhà nghèo, không thi cử, chỉ lấy việc ruộng nương mà làm kế sinh nhai. Cụ Phan, như ta đã biết, theo con đường hoạn lộ.

Khi đi kinh lý đất Nam kỳ, có dịp cụ ghé thăm người bạn cũ. Một viên kinh lược đến đâu, cố nhiên là có quân lính tiền hô hậu ủng. Nhưng lúc tìm thăm bạn, cụ Phan có cái nhã ý, tránh các nhắc nhở trước bạn áo vải của mình cái quyền tước cao sang hiện thời của mình. Cụ cho quân lính dừng lại cách xa nhà bạn có trên mấy dặm. Rồi mặc áo thâm, bịt khăn đóng lưng thưng một mình tiến vào căn nhà lá lụp xụp. Khi cụ đến nhà, ông bạn mắc đi làm ngoài ruộng, không hay cụ đến. Cụ lên võng nằm chờ cho đến tối, ông bạn mới về. Gặp nhau mừng rỡ, bạn ông lật đật dọn cơm, trên mâm chỉ có đĩa rau luộc và một đĩa mắm kho. Cụ cùng bạn ngồi ăn ngon lành vui vẻ như khi còn áo vải.

Ngày xưa, cách xử thế thật khôn ngoan vô cùng, mà cũng nhân hậu vô cùng.

CHƯƠNG THỨ BA: CÓ TÀI MÀ CẬY CHI TÀI

“Khôn, mà làm như ngu, mới là khôn kín”.

Lữ Khôn

ÔNG KHỔNG TỬ ở nước Lỗ vào kinh đô nhà Châu hỏi Lễ ông Lão Tử.

Khi đưa Khổng Tử ra về, Lão Tử có nói: “Tôi nghe người giàu sang tiền người thì dùng của cải, người nhân hậu tiền người thì dùng lời nói. Tôi tuy không được giàu sang nhưng mang tiếng là người nhân hậu, vậy xin tiền Ngài một lời nói vậy: “Này, phàm kẻ sĩ đời nay, những người thông minh sâu sắc, xét nét mà có khi đến phải thiệt mạng, đều là vì hay chê bai biếm nhẽ, nghị luận tâm sự người ta cả; những kẻ biện bác rộng rãi xa xôi mà có khi phải khổ đến thân, đều là kẻ hay bươi móc phơi bày cái xấu cái dở người ta ra”.

Khổng Tử cúi đầu thưa: “Vâng. Tôi xin nghe lời dạy bảo ấy”.

Lão Tử nói tiếp: “Tôi nghe rằng: Nhà buôn giỏi, khéo chứa của quý thì làm như người không có gì. Người quân tử thanh đức, dung mạo như người ngu. Ngài nên bỏ cái kiêu khí và đa dục, cái sắc thái và dâm chí của Ngài đi. Nó không lợi gì cho cái thân ngài cả”.

Thật đây là một bài học xử thế thâm trầm, sâu sắc không biết chừng nào.

Có của quý mà khoe là vờn hại đến cho thân mình. Có tài giỏi mà khoe là vờn họa đến cho thân mình. Của quý, tài hay, sắc đẹp là những điều mà ai ai cũng muốn. Muốn mà không được thì ganh. Ganh thì tìm cách mà làm hại cho đã lòng đố kỵ. Đó là lẽ dĩ nhiên nó phải vậy.

“Có Tài mà cậy chi tài,
Chữ Tài liền với chữ Tai một vần...”

Tào Tháo có lập một sở hoa viên. Lập rồi, đến xem không chê mà cũng không khen, chỉ viết một chữ hoạt rồi ra đi, không ai rõ ý gì cả.

Dương Tu nói: “Trong cửa mà viết chữ hoạt thành ra chữ khoát có nghĩa là rộng. Thừa tướng chê cửa này rộng”. Thợ bèn sửa nhỏ lại một tí. Tào Tháo đến xem, cả mừng hỏi: “Ai mà biết ý ra hay vậy?”. Kẻ tả hữu thưa: “Ấy là Dương Tu”.

Tháo nghe nói, khen, nhưng trong lòng không thích.

Lại có một khi ngoài ải Bắc đem chưng một thố cơm rượu, Tháo bèn đề nơi nắp thố: “Nhứt hiệp tô”. Rồi để trên ghế.

Dương Tu vào thấy ba chữ ấy, liền dỡ ra, lấy muống múc mà chia cho mỗi người một muống. Ăn rồi, Tháo ra hỏi: “Vì ý gì vậy?”. Tu thưa: “Trên thố ấy, Thừa tướng đề rõ ràng: “Nhứt hiệp tô”, nghĩa là “Nhứt nhơn nhất khẩu tô”, mỗi người một miếng cơm rượu, cho nên tôi vâng lời Thừa tướng”.

Tháo khen, nhưng trong lòng đã ghét

Tháo thường hay sợ thích khách, nên dặn kẻ hầu hạ: “Khi ta ngủ, hãy đứng lại gần, vì ta chiêm bao hay giết người”.

Một ngày kia Tháo đương ngủ ngày, rớt mền. Có một tên hầu cận lật đặt lấy mền mà đắp lại. Tháo ngồi dậy rút gươm chém quách rồi liền lên nằm ngủ lại, giây lâu mới thức dậy, giả giờ thất kinh nói: “Vậy chứ ai giết kẻ hầu cận của ta?”. Mấy người kia cứ thiệt mà trả lời.

Tháo khóc ròng, khiến chôn cất tử tế, ai ai cũng đều tin Tào Tháo thiệt chiêm bao giết người. Dương Tu biết ý Tào Tháo, cho nên khi chôn tên hầu cận ấy, bèn chỉ cái hòm nói: “Không phải thừa tướng chiêm bao, mà chính mi chiêm bao đấy?”.

Tháo hay dạng thì lại càng ghét lắm.

Tháo đóng binh nơi Tà cốc đã lâu ngày, muốn tấn binh thì bị Mã Siêu ngăn đón, tới không nổi, muốn thối binh lại e người bên Thục chê cười. Trong lòng đương dục dục, xảy người nấu ăn bung lên dung một tô canh thịt gà. Tháo thấy có gân gà, cầm lên ăn. Đang ngẫm nghĩ thì Hạ Hầu Đôn bước vào xin cho tiếng khẩu hiệu trong đêm nay. Tháo nghe nói liền ra khẩu hiệu: “Gân gà, gân gà”.

Hạ Hầu Đôn vâng lệnh ra truyền cho các quan đêm nay khẩu hiệu: gân gà.

Hành quân chủ bộ là Dương Tu khi nghe truyền hai tiếng khẩu hiệu gân gà thì khiến quân của mình sấm sủi đồ hành trang dạng có trở về.

Có người vào báo cho Hạ Hầu Đôn. Đôn cả kinh cho mời Dương Tu đến trại mà hỏi: “Sao ông lại khiến sấm sủi đồ hành trang vậy?”. Tu nói: “Lấy theo lời khẩu hiệu đêm nay của Ngụy Vương, thì ý Ngụy Vương sẽ lui binh nội ngày mai. Gân gà là ăn nó không có thịt, mà bỏ thì tiếc nó có mùi. Nay tấn binh thì thắng không nổi, còn thối đi thì e tiếng thiên hạ cười. Song ở đây hoài cũng vô ích, thì bằng về phút đi. Nội ngày mai ắt là Ngụy Vương rút binh chớ chẳng không. Vậy tôi khiến sấm sủi lần, để ngày mai khỏi chộn rộn”.

Đôn khen: “Ông thật là thông minh, biết trong tim đen của Ngụy Vương”. Bèn khiến quân mình cũng sấm sủi đồ hành trang nữa. Các tướng thấy vậy đều bắt chước sấm sủi lo về.

Đêm ấy, Tào Tháo lo lắng nằm ngủ không yên, bèn xách búa đi tuần các trại. Thấy trại Hạ Hầu Đôn đều sấm sủi lo về. Tháo lấy làm lạ, vội vàng trở về, khiến đòi Hạ Hầu Đôn lại hỏi: “Vì có gì, binh lính sấm sủi hành trang lo về, chưa có lệnh của ta?”. Đôn thưa: “Hành quân chủ bộ Dương Tu đã biết trước trong lòng của Đại Vương”, Tào Tháo cho đòi Dương Tu đến hỏi: “Sao mi dám bày điều mà làm loạn lòng quân?”. Bèn kêu đao phủ thủ khiến dẫn ra chém, lấy thủ cấp bêu lên làm hiệu lệnh ngoài cửa ngo môn.

Bảo rằng: Sao dám bày điều làm loạn lòng quân, chỉ là có cái cớ để đem Dương Tu ra chém. Sự thật cái ý chém Dương Tu đã ngầm ngầm trong lòng Tháo lâu rồi. Ngay buổi ban đầu, lúc sửa cửa ở hoa viên, cái thông minh của Dương Tử đã làm khó chịu Tháo rồi. Chính ngày ấy Dương Tu đã tự lên bản án chém đầu mình. Chẳng phải riêng gì Tháo, cái lòng đố kỵ ấy nó ở trong thâm tâm của tất cả mọi người; không ai mà ưa có người thông minh hơn mình, nhứt là lại hay khoe cái khôn ấy.

Thông minh như Dương Tu, thế mà không biết giữ mình được toàn thân, thật không bằng một kẻ ngu “Người buôn giỏi khéo giữ của quý, thì làm như người không có gì. Người quân tử có thanh đức, dung mạo như người bạn”.

Lưu Huyền Đức lúc ở chung với Tào Tháo tại triều thường lo phòng Tào Tháo hại. Thường ngày ông ra sau vườn mà trồng rau, tự tay bón phân tưới cây.

Quan và Trương nói: “Sao anh không lưu tâm về việc thiên hạ đại sự, lại học làm những việc của tiểu nhân. Ý gì vậy?”.

Huyền Đức nói: “Ấy chẳng phải chỗ hai em biết đặt”.

Hai người không dám hỏi nữa.

Ngày kia, Huyền Đức đang tưới rau sau vườn thì có lệnh Tào Tháo đến mời

Huyền Đức cả sợ, hỏi: “Việc chi gấp vậy?”.

Các tướng trả lời không biết. Ông bèn theo vào phủ ra mắt Tào Tháo.

Tào Tháo gặp Lưu Huyền Đức, cười bảo: “Ông ở nhà đã làm nên việc lớn dữ a!”.

Huyền Đức thất sắc, Tháo cầm tay Huyền Đức dắt thẳng ra sau vườn “Huyền Đức học làm vườn có khi nực lắm!”. Huyền Đức nghe nói mới an lòng, liền đáp: “Không chuyện chi, nên phải làm cho giải khuây đó thôi!”.

Khi ra sau tiểu đình thì thấy đã sẵn bày đồ đạc và chén.

Tháo nói: “Tôi thấy nhành mai đơm bông thơ thới thì nhớ đến lúc đi đánh Trương Tú, dọc đường hết nước, tướng sĩ đều khát. Tôi mới bày ra một chước “vọng mai chỉ khát” lấy roi chỉ tới mà rằng: “Trước mặt có rừng mai kia kìa!”. Quân sĩ nghe nói, ai nấy đều đổ nước miếng mà hết khát nước. Nay thấy cây mai này, chẳng lẽ mà không thưởng cho vui, vậy mới đặt rượu ngon, mời sứ quân đến vui vầy một tiệc”.

Hai người cùng ngồi ngang nhau mà ăn uống vui vầy. Rượu vừa nửa chừng, bỗng đâu mây đen kéo tới, đông gió ào ào. Quân sĩ chỉ rằng: “Rồng lấy nước kia kìa!”.

Tào Tháo và Huyền Đức ra xem. Tháo mới hỏi Huyền Đức.

- “Sứ quân biết rồng biến hóa thế nào chăng?”.

Huyền Đức thưa: “Chưa biết rõ lắm”.

Tào Tháo nói: “Tánh rồng hay lớn hay nhỏ, hay thăng hay ẩn; khi lớn thì làm mây mưa sa mù, khi nhỏ thì ẩn bóng giấu hình. Thăng thì bay tung nơi vũ trụ, ẩn lộn thì núp dưới ba đào. Nay lúc mùa xuân, rồng nương theo thời mà biến hóa cũng như người đắc chí tung hoành trong bốn bể vậy. Rồng là một vật sánh đặng với bậc anh hùng trên đời. Huyền Đức trải khắp bốn phương đã lâu, có lẽ biết đặng anh hùng trong đời này. Xin chỉ ra thử xem”.

Huyền Đức nói: “Bị tôi, con mắt thịt, lẽ đâu biết đặng anh hùng”.

Tào Tháo nói: “Chớ có khiêm nhường chi cho thái quá!”.

Huyền Đức nói: “Tôi nhờ Ngài giúp sức nên mới đặng làm quan tại trào, còn anh hùng trong thiên hạ, thật chưa biết đặng”.

Tào Tháo nói: “Tuy chưa biết mặt nhưng cũng biết danh chứ!”.

Huyền Đức chỉ Viên Thiệu, Viên Thuật, Lưu Kiển Thăng, Tôn Bá Phù, Lưu Quý Ngọc Tháo đều lắc đầu, chê là碌碌 thường tài. Huyền Đức bèn nói: “Ngoài bọn ấy, thì thật tôi không biết ai nữa cả”.

Tào Tháo nói: “Hễ đặng anh hùng thì trong dạ có chí lớn, bụng có mưu hay, gồm giấu máy vũ trụ, có chí nuốt trời mưa đất, mới thật anh hùng”.

Huyền Đức nói: “Ai mà sánh đặng điều ấy? Tôi thật không hiểu nổi”.

Tào Tháo lấy tay chỉ Huyền Đức, rồi lại chỉ mình mà rằng: “Nay đấng anh hùng trong thiên hạ duy có sứ quân cùng Tháo mà thôi”.

Huyền Đức nghe nói thất kinh, đôi đũa cầm trong tay bỗng rớt xuống đất. Lúc bấy giờ trời đang mưa lớn, sấm sét nổ rền. Huyền Đức thùng thảng cúi đầu lượm đũa mà rằng: “Một tiếng oai sấm mà đến đổi này!”.

Tào Tháo cười, nói: “Đại trượng phu cũng sợ sấm nữa à!”.

Huyền Đức nói: “Đến đổi Thánh nhơn nghe sấm to gió lớn còn đổi sắc, có lẽ nào chẳng sợ”.

Tào Tháo nghe nói yên lòng, không còn nghi Huyền Đức là có đại chí.

Măn tiệc Huyền Đức ra về. Dem chuyện rớt đũa nói lại cho Quan, Trương nghe. Quan, Trương hỏi: “Ý gì vậy?”. Huyền Đức nói: “Ta học làm vườn là có ý muốn làm cho Tào Tháo biết ta không có chí lớn. Chẳng dè Tháo lại gọi ta là anh hùng, nên ta thất kinh rớt đũa, làm bộ dối rằng sợ sấm để Tháo không nghi là ta có đởm lược anh hùng”. Quan, Trương đều nói: “Anh thật cao kiến, chúng em không sao hiểu kịp”.

Nhờ thế, Huyền Đức mới thoát khỏi tay Tào Tháo mưu hại.

Người như thế mà có lúc cũng sợ ý để lộ chí mình, xuýt nguy đến thân. Lúc qua ở cùng Lưu Biểu, một ngày kia đi tiểu tiện thấy bấp vể xoắn vùng liên sa nước mắt. Lưu Biểu thấy Huyền Đức mặt có hơi khóc, lấy làm lạ hỏi.

Huyền Đức thưa: “Em thuở nay mình chẳng lìa yên, thịt vể đều tan, nay đã lâu lắm chẳng lên lưng ngựa, thịt đùi ấy xoắn ra. Ngày tháng đã gần hết, tuổi đã gần già mà sự nghiệp không ra gì hết, cho nên em buồn”.

Lưu Biểu nói: “Anh nghe lúc em còn ở Hứa Xương uống rượu với Tào Tháo nơi vườn mai mà đàm luận anh hùng. Lúc ấy em chỉ hết danh sĩ đời này mà Tào Tháo chẳng chịu, lại nói rằng: “Anh hùng trong thiên hạ này, duy có em với Tào Tháo mà thôi. Sánh quyền lực của Tào Tháo như vậy mà chẳng dám khinh em, thì lo gì công nghiệp chẳng nên”.

Huyền Đức nhân rượu hứng chí đáp: “Nếu Bị mà có sẵn cơ bốn, thì những bọn lực lực trong thiên hạ nào có lo gì!...”

Lưu Biểu nghe nói làm thình, trong lòng không vui. Huyền Đức biết mình đã lỡ lời, bèn giả say, từ tạ lui về quán dịch mà nghỉ. Rồi thừa cơ trốn mất.

Hồ Khưu Trọng nhân nói với Tôn Thúc Ngao: “Có ba điều chuốc oán, ông có hiểu chưa?”. Tôn Thúc Ngao nói: “Tôi chưa được biết”. Trương nhân nói: “Tước vị cao, người ta ganh. Quyền thế lớn, người ta ghét. Lợi lộc nhiều, người ta oán”.

Tôn Thúc Ngao nói: “Không phải luôn luôn như thế. Tước vị tôi càng cao, thì tôi càng xử nhún nhường hơn. Quyền thế tôi càng lớn, thì tôi càng ở khiêm cung hơn. Lợi lộc tôi càng nhiều, thì tôi càng chia sót cho người chung quanh. Như thế làm gì bị thù oán của thiên hạ”.^[1]

Khi Tôn Thúc Ngao bệnh nặng, lúc gần chết kêu con dặn: “Nhà vua muốn phong ta đất. Ta đã chối từ. Sau khi chết, thế nào nhà vua cũng phong cho người. Ta không bằng lòng người lãnh những đất tốt. Nếu phải nhận thì giữa Sở, Việt có ngọn núi không tốt mà tên nó cũng không đẹp, hãy nài miếng đất ấy, thì khỏi sợ ai dòm ngó”.

Tôn Thúc Ngao chết. Vua phong đất cho người con. Y theo lời cha dặn, người con xin phong cho mình miếng đất ấy. Con cháu đời đời giữ nó không mất”.^[8]

“Dương Tử sang Tống vào ngủ ở một nhà trọ. Người chủ nhà trọ, có hai cô vợ lẽ. Một người đẹp, một người xấu.

Dương Tử thấy trong nhà ai cũng quý người thiếp xấu, mà khinh người thiếp đẹp, lấy làm lạ hỏi dò thằng trẻ trong nhà trọ.

Thằng nhỏ nói: “Người thiếp đẹp, tự cho là mình đẹp, nên mất đẹp, chúng tôi cũng chẳng nhìn thấy cái đẹp của họ nữa. Người thiếp xấu, tự biết là mình xấu nên không ai nhìn ra cái xấu của họ nữa”.

Dương Tử kêu học trò bảo:

- Các con đâu? Nhớ ghi lấy: “Giỏi mà không làm cho người ta thấy cái giỏi của mình, đi đâu mà chẳng được người yêu!”.^[9]

Epictète, một hiền giả Hi Lạp, sống một cách bình dị hết sức. Trong nhà ông chỉ có một cái giường cây, cái bàn nhỏ để một ít sách và một cây đèn sắt.

Thế mà một đêm hôm, ăn trộm vào, bùng cây đèn sắt của ông mất.

Sáng ngày, hay ra, ông bèn bảo với các đệ tử:

- “Thằng bợm này, rồi đây sẽ cụt hứng”.

Ông bèn cho đi mua cây đèn đất để thay vào. Thật vậy, cây đèn ấy ông giữ mãi suốt đời.

Ông tự trách, tại ông dùng cây đèn sắt mới có giục lòng tham của tên trộm. Lỗi nơi ông, nào đâu lỗi của người trộm kia. “Kẻ đeo ngọc có tội, người trộm ngọc không có tội”.

Người xưa xử với mình rất nghiêm, mà xử với người rất khoan, bởi vậy, suốt đời không gặp họa. “Đừng trọng người hiền là làm cho lòng dân không tranh, không quý của khó đáng là khiến lòng dân không trộm đạo; không khoe điều có thể ham muốn được là khiến lòng người không loạn”.^[10]

Một nhà văn có nói: “Người ta đau khổ là vì thấy cái hạnh phúc của kẻ khác. Cái khổ của người nghèo ở chỗ đó”.

Có đúng như vậy. Cái đau khổ của đám dân nghèo, thật ra chưa phải cảnh đói rét lầm than của họ, mà chính là cái cảnh xa hoa ngạo nghễ của những kẻ phú quý chung quanh.

“Khổng Tử bị vây ở giữa Trần Sái, bảy ngày không cơm ăn.

Thái Công Nhậm đến thăm nói:

- Ông sắp chết chẳng?

- Vâng!

- Ông ghét chết chứ?

- Vâng!

- Này! Cây thẳng thường bị chặt trước. Giếng ngọt thường bị cạn trước. Ông chắc là trang sức trí thông minh để kinh sợ kẻ ngu hèn; tu thân để tỏ mình trong hơn người như đục; đi ra ngoài hách dịch, lồ lộ như mặt trời, mặt trăng Bởi vậy, ông cũng khó mà thoát khỏi cái nguy trước mắt”.[\[11\]](#)

“Kìa như con cáo lớn, beo vằn, sống nương nấu nơi rừng sâu núi rậm, núp bóng ở hang cùng hóc hiểm, đêm đi ngày ẩn, tuy đói khát cũng vẫn lẩn lút nơi sông hồ thế mà cũng không thoát khỏi cái nạn dò, lưới, cạm bẫy Chúng nó phải tội tình gì? Chỉ vì tại cái bộ da lông mướt đẹp của chúng vờn họa hại đến chúng”.

Có của quý, có tài hay chưa ắt luôn luôn là cái may mắn cho chúng ta vậy!

Có người kia, chết chôn chưa được ba ngày Một tên đạo tặc giữa đêm đào thây lên, lột hết vàng bạc trong mình, rồi lại còn xách búa đập bể mặt bể mũi

Thù gì dữ vậy? Không! Chỉ vì khi chôn, người ta cho người ấy ngậm viên ngọc quý trong miệng.

Chết rồi, mà cũng không nằm yên được trong mồ

Số trời ư? Hay là vì ngu dại?

CHƯƠNG THỨ TƯ: ÂN VÀ OÁN

“Ân càng thâm thì oán càng sâu”

VỢ TUỒNG “Cuộc du lịch của anh Perrichon”, ^[12] đoạn chót làm cho tôi hết sức ngao ngán và bàng khuâng.

Anh Perrichon cùng vợ và con gái đi du lịch ở Thụy Sĩ. Trong khi đi lại có hai chàng trai trẻ cùng theo là Armand và Daniel, cả hai đều găm ghé “tiểu thơ” Perrichon.

Armand được cái hân hạnh là cứu Perrichon ba lần: lần đầu ở tại Montauvert, khi Perrichon bị té ngựa, xuýt sa vào hố sâu thăm thẳm. Lần thứ nhì Armand “dàn xếp” cho một cuộc Perrichon bị thừa về tội phỉ báng được ổn thoả. Lần thứ ba, chàng lại cứu Perrichon khỏi phải đánh gươm với một võ quan. Armand giàu có, lại ưa làm ơn

Còn chàng Daniel, thay vì “thích ra ơn” lại “thích chịu ơn”. Chàng khôn khéo làm bộ té hố để Perrichon có dịp ra ơn cứu chàng Bởi vậy, Perrichon thích chàng mà lại ghét Armand. Nên khi Armand gớm hỏi cưới con gái anh, thì anh lại nhứt định gả con gái cho Daniel.

Tại sao vậy? Vợ anh, con gái anh, mà cả thiên hạ chung quanh đều đinh ninh rằng rể của anh chắc chắn là người ân nhân của anh, cái người đã cứu tử hoàn sanh anh kia mà! Té ra, trái ngược lại, anh muốn gả con cho cái chàng chịu ân của anh, cái anh chàng hằng giờ hằng buổi nhắc nhở đến ân huệ cứu tử của anh

Thật ra là một tấn kịch cốt làm cho người ta cười cười ra nước mắt. Tâm sự của Perrichon là tâm sự của mọi người. E. Labiche là người rất am hiểu thâm tâm con người để vậy.

Daniel trách Armand rất đúng:

- Anh tưởng rằng, sự anh cứu ông là một kỷ niệm êm đềm cho ông lắm sao? Không. Không! Trái lại, nó chỉ nhắc nhở cho ông nhớ luôn rằng: thứ nhất, ông không biết cỡi ngựa; thứ nhì, ông đã sai lầm, mà mang định thức ngựa, mặc dầu bà vợ đã cản không cho mang; thứ ba, sự té ngựa vụng về của ông đã để một trò cười cho thiên hạ. Lại nữa, trong khi anh làm cách để ngăn ngừa không cho xảy ra cuộc đấu kiếm của ông, anh đâu có làm ân gì cho ông, mà trái lại, anh chứng minh cho ông thấy, như hai với hai là bốn, rằng anh không coi vào đâu cái can đảm anh hùng của ông”.

Thay vì làm ơn cho Perrichon như chàng Armand, Daniel làm bộ té hố, để cho Perrichon được cơ hội thi ân, được cơ hội hãnh diện với người chung quanh cái gan ruột anh hùng của mình. Làm ơn cho Perrichon, Armand vô tình chạm đến lòng tự ái của Perrichon; còn thọ ân Perrichon, Daniel đã cố ý làm tăng cái lòng tự đắc của Perrichon. Bởi vậy người ta bao giờ cũng yêu người mình ban ân hơn là người mình thọ ân.

Thọ ân người tức là chịu có người trên mình, còn ban ân người tức là được ở trên người. Chữ Ân là chữ đè trên chữ tâm. Mà chữ nguyên tự là hình vẽ một người đứng giữa bốn vách tường, đồng với chữ tù. Người xưa bày ra chữ Ân, thật là khám phá được tâm sự của người vậy.

Trách nào cổ nhân không thường bảo ta:

“Thi ân mạc niệm
Thọ ân mạc vong”

Thi ân là làm nhục lòng tự ái của người; thường thường kẻ làm ân hay có khuynh hướng tự hào và ngạo nghễ Vì làm ân cho người tức là đàn áp được người, làm chủ người ta Bởi vậy, cổ nhân muốn chế lại, bảo: “Thi ân mạc niệm”.

Thọ ân là bị nhục đến lòng tự ái, thường hay tìm cách để thoát khỏi cái nhục ấy bằng sự bội ân Bội ân bằng đủ phương thế. Vậy chớ tìm cách trả ân, không phải là tìm cách để thoát khỏi một cái “nợ”, hơn nữa, một cái “nhục” là bị người ban ân hay sao?

Một nhà tư tưởng có nói: “Vội vàng trả ân, là tỏ ra vội vàng phản bạc”. Người ta không muốn mang ân mình lâu ngày Vì vậy, “óc bội phản chỉ là óc cao ngạo, tỏ ra một “tâm hồn tự do”,^[13] thế thôi. Nó là tâm trạng hết sức tự nhiên của loài người. Bởi thế, cổ nhân mới lo lắng căn dặn: “Thọ ân mạc vong”.

Chàng Daniel rất am hiểu tâm lý của Perrichon, nên thay vì lo “dàn xếp” một cách công khai dàn giá như Armand, anh ta lén viết thư cho Cảnh sát hay để can thiệp không để cho cuộc đấu kiếm xảy ra. Mỗi khi chàng muốn làm một cái ơn gì cho Perichon, thì chàng làm một cách “núp lén”, “che đậy” bao giờ anh cũng tránh cho Perrichon đừng mất mặt. Anh nói: “Khi mà tôi phải bước chân vào cảnh khổ của người đồng loại của tôi, thì tôi bao giờ cũng đi bằng dép rơm, và không dám mang theo một chút ánh đèn nào cả, phập phồng cũng như tôi đi vào cái lò thuốc đạn vậy”. Thật anh dùng chữ rất đúng: cái cảnh khốn khổ của người ta quả thật là một cái lò thuốc đạn. Không khéo, một chút lửa đủ cho nó nổ bùng ra dữ tợn

Còn gì rõ ràng hơn nữa: Chính Perrichon cùng đã phải bức dọc la lớn lên rằng: “Không, không, ông ạ, người ta không thể đàn áp tôi được nữa đâu!... Thôi đi, những giúp đỡ, những ân huệ của người ta!”

Câu chuyện tuy trớ trêu, nhưng mà miêu tả được một cách sâu sắc tâm sự của loài người lòng tự ái khiến ta làm những điều quái gở.

Cũng như câu chuyện về cái chết của Hàn Tín sau đây là một.

Thuở nhỏ, mỗi khi đọc đến cái chết của Hàn Tín thì trong lòng thấy như có điều bất mãn Sau khi ném quyển sách đi, lòng không khỏi ngậm ngùi thương tiếc Thương tiếc rồi lại trách Bái Công phi ân bội nghĩa đủ điều

Nhưng về sau, có được chút ít tuổi và kinh nghiệm sự đời thì lại trông thấy Hàn Tín sở dĩ bị tru diệt, không riêng gì lỗi ở Bái Công, mà chính nơi cách xử thế vụng về của Hàn Tín.

Ta thử tìm hiểu hai tâm hồn ấy.

Hàn Tín xuất thân nghèo khổ. Lúc chưa gặp thời, câu cá ở dưới thành. Có Phiếu mẫu thấy Tín đói, cho Tín ăn cơm. Tín mừng bảo: -Tôi tất có lúc đền ơn bà!

Phiếu mẫu giận, nói: -Kẻ đại trượng phu không nuôi nổi thân, tôi thương cậu mà cho cơm ăn, há lại mong đền ơn ư!

Trong hàng thịt ở Hoài âm, có chàng trẻ tuổi trêu Tín, giữa đám đông, nhieéc Tín: -Tín có dám đâm chết được tao không? Không đâm được, hãy luôn trôn tao đây!

Tín nghĩ mình chưa làm gì nên đại nghiệp, mà nay phải lòi thối, có khi đến mạng thường mạng với một tên vô loại này, thì cũng tủi thật, nên dần lòng nhẩn nhục, chui qua háng chàng kia Người cả chợ đều cười Tín, cho là hèn nhát.

Đến khi Hạng Lương qua sông Hoài, Tín chống gươm theo hầu Hạng Lương thua, lại theo về tới Hạng Võ. Võ cho làm lang trung chấp kích. Nhiều lần bày mưu cho Hạng Võ, nhưng Võ không dùng.

Hán Vương khi vào Thục, Tín trốn Sở về với Hán. Lại chỉ được phong làm chức Liên Ngao, coi kho lúa. Tiêu Hà và Đặng Công biết là người đại tài, đã không biết bao lần tiến cử Hán Vương mà Hán Vương vẫn không trọng dụng, nên Hàn Tín bỏ Hán mà trốn đi nếu Tiêu Hà không chạy theo bắt kịp.

Trở lên, ta thấy Hàn Tín một đoạn đời đã trải qua không biết bao nhiêu tủi nhục. Bởi vậy, trong tâm hồn bao giờ cũng bị cái tâm cảm tự ty lòng tự ái đã bị chạm nặng và dồn ép lâu ngày khiến nên trong đời chàng không biết bao lần ngoan ngoan và khiêu khích đối với Hán Vương.

Tiêu Hà rất am hiểu tâm sự ấy của Hàn Tín nên khi Hán Vương thấy giác thư của Trương Lương, muốn phong Tín làm Đại Tướng một cách suông, bèn nói: -Bệ hạ muốn phong cho Hàn Tín cách nào?

- Thì vời y đến mà phong chứ sao?

Tiêu Hà lắc đầu, nói: -Không được. Bệ hạ vốn đã khiêu ngạo không thủ lễ với Hàn Tín lâu nay rồi, giờ lại phong một chức Đại Tướng mà hình như gọi một đứa trẻ con. Ở Bệ hạ thì cho thế là trọng, mà theo ý ngu thần e rằng Hàn Tín rồi sẽ cũng đi mất.

Hán Vương nói: -Vậy thì phải phong cách nào?

- Nếu bệ hạ muốn phong Hàn Tín, nên chọn ngày chay giới, lập đàn tế cáo thiên địa như Hoàng đế phong cho Phong Hậu, Vũ Vương phong cho Lữ Vọng vậy tức là lễ bái tướng.

Hán Vương bằng lòng. Đây là Hàn Tín đặt hạ lòng mà Hán Vương đã bị chạm, một cách vô tình, lòng tự ái rồi Lòng Hán Vương đã bị một tỳ vết, hột giống đã khởi đầu âm thầm bắt mọng.

Lúc Hàn Tín tương binh đại phá Tam Tần và lấy Hàm Dương rồi, thì Hán Vương bàn với Hàn Tín tính việc đông chinh. Tín không bằng lòng, cố hết sức giải bày những việc lợi hại, thế mà Hán Vương vẫn không nghe. Mặc dầu Trương Lương hết sức can ngăn, Hán Vương cũng nằng nằng quyết một, lấy ấn soái của Hàn Tín lại mà ban cho Ngụy Báo. Trận ấy Hán Vương làm một việc liều lĩnh phi thường, nên bị Hạng Võ đánh một trận không còn manh giáp, xuyết bỏ thân trong trận địa.

Người như Hán Vương khôn ngoan sâu sắc, thời thường bao giờ cũng nghe Tử Phòng, cung kính như bậc thầy Thế sao, ngày nay bỗng dưng hôn ám, đã không chịu nghe Hàn Tín lại chẳng kể Tử Phòng? Trước sự thành công rực rỡ của Hàn Tín “trăm trận trăm thắng”

trong thâm tâm Hán Vương không mấy vui lòng Cơ hội đến, Hán Vương muốn tỏ rằng mình cũng có tài chinh phạt như ai Bởi vậy, mới có cái cử chỉ sòng là cướp ấn nguyên nhung mà trao cho Ngụy Báo, làm một việc đại dột càn rỡ mà một người thông minh như Hán Vương lắm khi tự hỏi với lòng không hiểu làm sao mà cắt nghĩa.

Cách xử lý vụng về và vô tâm ấy của Hán Vương lại chạm đến lòng tự ái của Hàn Tín thêm một phen nữa.

Bởi vậy, khi Hàn Tín trả ấn nguyên nhung về cố thủ Lạc Dương, Hán Vương cho triệu cũng không về. Tiêu Hà băng khuâng nói với Tử Phòng: -Hàn Tín từ khi ở Lạc Dương về, thường phàn nàn rằng: Hán Vương không nghe lời nói phải, lại cướp tướng ấn mà cho Ngụy Báo, không nhớ đến công phá Tam Tần, lấy Hàm Dương. Khi nghe Đại Vương (Hán Vương) bị thua rất nặng ở Truy Thủy, thì Tín lại đóng cửa không tiếp khách, tôi đến mấy lần cũng không được tiếp, xem ý như muốn cho Vương tự thân đến mời mới được vậy

Câu nói ấy của Tiêu Hà thật là tỏ rõ được tâm sự của Hàn. Óc làm phản của Hàn, đã bắt đầu manh nha trong tiềm thức. Nếu Trương Tử Phòng không dùng kế khích ông ta thì Hàn Tín chưa chắc chịu nghe lời triệu của Hán Vương mà về Huỳnh Dương mưu phá Sở.

Hán Vương vì lợi cho đại nghiệp của mình, nên bấm bụng bỏ qua cái tội không tuân mạng của Hàn nhưng trong thâm tâm lòng tự ái đã bị chạm nhiều rồi.

Trong tâm phẫn của hai người, sự gắng nhau càng ngày càng tăng thêm Nơi Hàn Tín thì lập tâm phản nghịch, nơi Lưu Bang thì sanh dạ bội ân.

Bởi vậy, sau khi Hàn Tín bình định nước Tề rồi, Hán Vương sai sứ đến mời về cùng hợp sức phá Sở. Hàn Tín thừa dịp, bắt bí Hán Vương, viết biểu về tâu xin phong ấn Tề Vương rồi sau sẽ phá Sở. Đây là cách trả đũa sự cướp ấn nguyên nhung thuở nọ.

Hán Vương xem biểu đòi phong Tề Vương của Tín liền nổi giận: -Thằng nhãi này lại dám giở giọng như thế ư? Ta bị khốn ở đây đã lâu mong nó về giúp ta, chẳng ngờ nó lại chực xung bá xưng vương như vậy!

Trương Lương, Trần Bình vội sẽ bấm chân Hán Vương rí tai nói: -Đại Vương tuy được mấy chục quận lớn của Sở. Nhưng hiện nay quân Sở đóng ở dưới núi Quảng Vũ để đánh ta, quân ta hiện đang bất lợi, vậy ta có sức đâu cấm nổi Hàn Tín không cho tự lập làm Vương. Chi bằng hãy cứ phong cho hần, khiến hần vui lòng thì rồi hần sẽ giúp Đại Vương được việc. Nếu không mà để hần tự biến thì sẽ lại sinh một mối lo to.

Thế là Hán Vương một lần nữa phải bấm bụng mà phong vương cho Hàn Tín. Ở vào địa vị Hán Vương, mình là chúa, mà bây tôi kiêu ngạo ỷ tài, lấn áp và khù sách mình dường ấy lòng tự ái bị thương tổn không biết là chừng nào. Nhẫn được, nếu không phải là Bái Công chưa ắt có người làm nổi. Nói thì có hơi quá, chứ cái nhục của Hán Vương ngày nay còn nhục hơn là cái nhục của Hàn Tín luồn tròn thuở nọ.

Cái ấn Tề Vương của Hàn Tín thật khó lòng mà bền vững được. Người mà có cái chí đồ vương định bá, khuấy nước chọc trời như Bái Công có thể nào chịu nổi cái nhục ấy không? Chịu nổi nó, chỉ có Bái Công và cũng nhờ thế mà Bái Công làm nên nghiệp đế. Nhưng cái vết thương lòng không làm sao mà hàn gắn được. Cái tước Tề Vương của Hàn Tín, tuy xứng đáng thật, nhưng ngày nào nó còn nó là cái tiếng chửi trên đầu Hán Vương, là cái gai nhọn trong con mắt của Hán Vương nó hằng nhắc nhở cho Hán Vương sự sút kém nhục nhã của

mình. Cho nên thiên hạ vừa định được, thì cái lo nghĩ trước nhất của Hán Vương là cướp lại ấn Nguyên Nhung của Hàn Tín. Sự đã rõ ràng hết sức.

Việc ấy ai mà không rõ, thế mà chỉ có Tín không chịu hiểu.

Hàn Tín tuy hả lòng trả được cái nhục cướp ấn nguyên nhung, lên ngôi trên điện Tề Vương để chịu lễ chào mừng của trăm quan thuộc hạ, nhưng đâu có dè chính ngày ấy là ngày tự rước cái vạ ở cung Vị Ương sau này vậy.

Khoái Triệt khuyên Hàn Tín:

- “Thiên hạ lúc mới loạn, các anh hùng hào kiệt cùng gào, cùng thét. Người trong thiên hạ đều như sương mù, mây hợp, lửa bốc, gió tuôn cá mè một lứa. Trong lúc ấy chỉ lo có một điều là làm sao cho mất nhà Tần mà thôi”.

“Bây giờ Hán Sở tranh nhau, khiến cho những kẻ vô tội dưới gầm trời, óc gan lầy đất, cha con phơi sương ở giữa ruộng đồng, không sao kể xiết

“Sở cất quân từ Bàng thành, vừa đánh vừa đuổi đến mãi Huỳnh Dương oai danh lừng lẫy thiên hạ. Thế mà quân lại bị khốn ở Kinh Sách, bức bách ở Tây Sơn. Đã ba năm rồi không sao tiến được nữa.

“Còn vua Hàn thì đem vài mươi vạn quân, giữ Cung, Lạc, nhờ cái thế hiểm của núi sông. Nhưng một ngày đánh mấy trận, không được lấy tấc công. Thua chạy không ai cứu, bại ở Huỳnh Dương, bị thương ở Thành Cao bèn chạy sang miền Uyển Khí.

Thật là “khỏe cũng khốn, mà khôn cũng khốn”.

Trăm họ khổ sở kêu ca, nhong nhóng không nơi nương tựa. Cứ như tôi tính trừ phi hạng Hiền Thánh trong đời, không sao dẹp yên nổi tai vạ trong đời

“Hiện nay tính mạng hai vua, treo cả ở tay Ngài. Ngài giúp Hán thì Hán được, mà sang Sở thì Sở được! Tôi xin mở lòng dạ, phơi gan mật, bày kế ngu, chỉ sợ Ngài không biết dùng. Nếu Ngài thực biết nghe kế của tôi, thì không gì bằng giúp cả đôi bên mà để họ còn cả! Chia ba thiên hạ ra như ba chân vạc, thế không ai dám động binh trước. Ngài giữ đất cường Tề, gồm đất Yên đất Triệu chẳng đủ dựng nên cơ nghiệp lớn ư?

“Tôi nghe Trời cho mà không lấy sẽ có họa hại, thời đến mà không làm sẽ phải tai ương. Vậy ngài nghĩ cho kỹ”.

Hàn Tín nói: “Vua Hán đãi tôi rất hậu, tự đem xe cho tôi đi. Tự cởi áo cho tôi mặc. Tự sẻ cơm cho tôi ăn. Tôi nghe: Đi xe người ta thì mang lo cho người ta. Mặc áo người ta thì bận nghĩ vì người ta. Ăn cơm người ta, thì chết về việc người ta. Tôi há tham lợi mà quân nghĩa ư!”.

Khoái Triệt nói:

“Ngài tự cho là thân với vua Hán, muốn dựng cơ nghiệp muôn đời! Tôi trộm nghĩ, không gì lầm hơn nữa

“Xưa, khi Thường Sơn Vương cùng Thành An Quân lúc còn áo vải, cùng nhau kết làm bạn sống chết với nhau. Về sau, cãi nhau về chuyện Trương Ấp, Trần Thạch mà hai người trở lại

thù nhau. Thường Sơn Vương phản Hạng Vương đem đầu Hạng Anh mà trốn sang với Hán Vương, lại nhờ Hán Vương xuống miền Đông giết Thành An Quân ở phía Nam sông Kỳ, đầu một nơi, chân một nẻo. Rút lại, làm trò cười cho thiên hạ. Hai người ấy là hai người chơi thân với nhau nhất ở trong đời, vậy mà rút cuộc đến giết lẫn nhau là vì sao? Hại sinh ra bởi muốn nhiều, mà lòng người khó lường được!

“Nay Ngài muốn giữ trung tín để cầu thân với vua Hán, tất cũng không sao bền hơn tình bè bạn của loại người kia. Còn việc thì nhiều việc còn lớn hơn là chuyện Trần Thạch, Trương Ấp nữa kia. Vậy, việc Ngài tin vua Hán quyết không hại Ngài, tôi cho là một việc lắm to tát vậy. Đại Phu Văn Chủng và Phạm Lãi làm cho nước Việt mất mà lại còn, giúp cho Câu Tiễn được nên nghiệp bá thế mà rồi kẻ thì chết, người trốn. “Muông nội đã hết, thì chó săn cũng giết đi mà ăn thịt”. Nói về tình bạn, thì Ngài và Hán Vương không được bằng Thường Sơn Vương và Thành An Quân mà nói về trung tín, thì chẳng qua Ngài như Văn Chủng và Phạm Lãi đối với Câu Tiễn là cùng. Cứ xem hai người đó là đủ. Xin Ngài nghĩ cho sâu điều đó.

Vả lại tôi nghe “dũng lược mà át cả chủ thì khốn thân; công lớn mà trùm cả đầu thì mất thưởng”. Nay tôi xin kể những công lược của Đại Vương: Ngài sang qua Tây Hà, tóm vua Ngụy, bắt Hạ Thuyết; dẫn quân xuống Vĩnh Hình, giết Thành An Quân, tuần đất Triệu, hiệp đất Yên, định đất Tề; sang Nam đánh tan quân Sở hai mươi vạn; qua Đông giết Long Thor, quay về Tây để trả lời Kế ra thì công ấy trong thiên hạ không hai, mà lược ấy không mấy đời đã có. Nay Ngài đem cái “oai át cả chủ”, cầm cái “công hết lối thưởng” mà về Sở, thì người Sở không tin, về Hán, thì người Hán hoảng sợ Ngài định mang cái đó về đâu? Thế ở địa vị kẻ làm tôi mà cái oai át cả chủ, danh cao nhất thiên hạ Tôi trộm nghĩ lấy làm nguy cho Ngài”.

Hàn Tín cảm ơn nhưng dùng dằng. Khoái Triệt thấy thế bảo thêm:

- Quyết đoán cần cho người khôn, ngờ vực làm hại công việc. Dẫn đo việc nhỏ thường bỏ sót việc lớn. Trí ta biết rõ mà gan ta không dám làm trăm sự tai vạ gây ra đều vì thế cả. Bởi vậy mới có câu: “Hùm thiên lẫn lửa không bằng ong độc đốt liễu! Ký ký xo ro không bằng ngựa hèn sẵn bước! Tuy khôn bằng Thuấn, Vũ, ngậm miệng không nói, không bằng kẻ cầm điếu lấy tay chỉ vậy

“Lời nói ấy của tôi, biết làm mới quý. Công là cái khó nên, mà dễ hỏng. Thời là thứ khó được, mà dễ mất. Thời ru! Thời ru! Qua mà không trở lại. Xin Ngài xét rõ cho!”.

Hàn Tín nấn ná không nở phụ Hán. Lại tự cho là nhiều công, dù sao Hán đâu có nở cướp nước Tề của mình, bèn từ tạ Khoái Triệt.

Ở đây ta thấy Hàn Tín không thông tâm lý người đời. Cái chết của Hàn Tín sau này cũng nơi chỗ ngu đó.

Còn gì rõ ràng hơn được nữa lời can ngăn cuối cùng của Khoái Triệt. Khi nghe Hàn Tín sắp khởi binh kéo đến Thành Cao giúp Hán Vương đánh Sở, Khoái Triệt vội vã vào thăm. Hàn Tín hỏi:

- Tiên sinh lâu nay đi không trở về bởi tôi ngày trước không biết nghe theo lời dạy. Nay đến đây thăm tôi, chắc hẳn là có cao ý gì?

- Tôi chịu ơn tri ngộ của Ngài không nỡ lâm vào cái vạ tày đình.

- Cái vạ tày đình như thế nào?

- Ngài đóng quân ở đây, Hán Vương bị Sở vây khốn ở Cổ Lăng, mấy lần cho vờ mà Ngài kháng cự không chịu về cứu. Lẽ nào Ngài không còn nhớ việc ấy! Vì không còn có cách gì sai khiến cho nổi, bắt buộc dĩ Hán Vương mới sai Trương Lương đem hịch văn đến phong cho ngài làm Tam Tề Vương. Chia đất phong cho, đó là lấy lợi mà đả miện để Ngài đem quân về giúp. Đâu phải vì Ngài công to mà được hạ thưởng một cách tuyệt vời như thế, thực ra chỉ vì muốn cho Ngài phá Sở để đồ thiên hạ cho người ta.

“Tôi chắc rằng sau khi bình định, họ sẽ không bao giờ để cho Ngài ngắt ngưỡng ngồi trên ngôi Vương mà hưởng cái phúc thái bình đâu. Bấy giờ họ sẽ nhớ lại cái thù mà Ngài chống mạng bắt bí lúc bấy giờ, và lại lo rằng Ngài có chí đồ vương, họ sẽ quyết kế hại Ngài để di trừ cái bệnh tâm phúc, và mưu cái nghiệp vững bền cho con cháu. Vậy ngay bây giờ, chi bằng thừa lúc hai vua đều mệt mỏi cả, Ngài chiếm lấy đất Tề, chia ba thiên hạ mà đứng thành chân vạc mới có thể giữ được vô sự. Chứ nếu lại không nghe lời tôi mà đi phá Sở, sau khi Sở về, Ngài sẽ không sao tránh khỏi cái vạ tày đình. Ngài rất nên nghĩ kỹ”.

Tín nói: “Lời nói của tiên sinh thật là suốt lẽ, nhưng lòng Tín này thực không nỡ bội Hán”.

Triệt nói: “Bây giờ không nghe lời tôi, ngày khác khi bị hại, sao cho khỏi hối!”.

Thật lời Khoái Triệt như lời tiên tri Có gì lạ, nó là cái lẽ dĩ nhiên phải như thế. Hàn Tín đâu phải là không thông minh, thế mà chuyện người thì sáng mà chuyện mình thì quáng chỉ vì đem tình cảm chen ngăn vào lý trí không phải chỗ. Hán Tín đa cảm, chỉ thấy lần được Hán Vương là thỏa lòng, thấy được người ta chiều mình là đắc chí Trăm lần khôn, một lần ngu cũng đủ chết.

Về sau, việc mà Khoái Triệt tiên tri, Tín đã thấy thực hiện rõ ràng không sai một. Thế mà không còn biết thân, cao bay xa chạy lại còn ngông nghênh tự đắc chạm thêm vào lòng tự ái của Hán Vương nữa

Bấy giờ Hán Vương bình định bờ cõi, nhất thống san hà rồi, Hán Tín không được trọng dụng ngày tháng ăn không ngồi rồi cũng bị giam lỏng ở trại triều. Thế mà khi Hán Vương cho vờ hỏi chuyện thì lại dở giọng làm khôn

Hán Vương hỏi: -Như trăm đây, khanh liệu có thể cầm nổi bao nhiêu quân?

Tín nói: -Bệ hạ bắt quá cầm được độ mười vạn quân là cùng.

Hán Vương lại hỏi: -Còn như tướng quân thế nào?

Tín nói: -Như thần thì càng nhiều bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu.

Hán Vương cười, hỏi nữa: -Càng nhiều càng tốt, có sao lại còn bị trăm bắt?

Tín nói: -Bệ hạ không giỏi cầm quân, nhưng giỏi cầm tướng, vì thế mà thần bị bắt. Vả lại, bệ hạ có trời vừa giúp, nên sức người sao thể theo kịp.

Hán Vương tuy cười nói, nhưng lòng không vui, lại càng thêm nghi kỵ nên cho về nhà riêng dưỡng bệnh, chứ không tính đến việc cất dưng.

Thật cách xử thế của Hàn Tín vụng không biết chừng nào. Khi mà tâm địa của Hán Vương đã hiện rõ như ban ngày, vậy mà còn khoe tài cậy khôn thì làm sao mà không bị hại cho được.

Đợi đến lúc bị trói đem chém ở lầu chuông cung Vị Ương, mới tỉnh ngộ:

- Ta bởi không nghe lời Khoái Triệt ngày trước, đến nỗi bị bọn đàn bà con nít nó lừa dối

Hàn Tín chết Hán Vương xem biểu mừng lắm, nhưng rồi nhớ lại công lao to lớn của Hàn Tín bụng những ngậm ngùi thương xót, nước mắt đầm đề

Người ta bảo, cái khóc của Hán Vương là giả dối Không. Nó là biểu hiện của một sự tranh chấp mãnh liệt nơi lòng của Hán Vương: cười, là hả được lòng tự ái, mà rơi nước mắt đầm đề là nghĩ đến cái án bội bạc của mình nó cũng đang giày xé tâm can

Ăn càng thâm thì oán càng sâu là thế.

Tâm sự Hán Vương là tâm sự chàng Perrichon; tâm sự Hàn Tín là tâm sự chàng Armand vậy?

Ở trường hợp của Tín, phải xử như thế nào?

Nếu không dùng cương đạo như lời Khoái Triệt đã khuyên, thì sao không biết theo nhu đạo mà làm như Trương Lương tịch cốc.^[14]

Trương Lương không bao giờ chạm đến lòng tự ái của Bái Công. Ông dư hiểu: công cao thì bị ghen, ngôi tốt thì bị ngờ, nên thường thác bệnh ngồi rồi ở nhà, suốt ngày tịch cốc. Hễ ai đến chơi thì lại nói: "Người ta sinh ra trong trời đất, chẳng khác như bóng câu qua khe cửa, trăm năm như cái chớp mắt mà thôi. Tôi muốn lui vào trong chỗ núi rừng, tìm tiên học đạo để làm cái kế trường sinh, chứ hết thấy công danh chẳng qua như những đám phù vân có gì là thú. Chỉ vì nay đời Ơn Hoàng đế quyến luyến nên chưa nỡ bỏ đi đấy thôi. Thực ra lòng tôi vốn không ham thích cái vinh hoa phú quý ở đời; huống chi tấm thân đa bệnh, khí huyết suy lặn, nếu không sớm tìm cách tu dưỡng lấy mình, e một mai tính khí hư hoa đi rồi thì dầu có muốn tu cũng là vô ích...".

Đây là lời ông gián tiếp nhắn với Hán Vương.

Quả thật vậy, Vua nghe được câu chuyện ấy, mặc dù thấy ông thác bệnh không năng vào bệ kiến, cũng không ngờ vực nữa.

Tuy vậy, một hôm vua lại hỏi dò: - Trẫm từ được tiên sinh từng làm nên nhiều công trận. Trẫm định sẽ lấy nước lớn phong cho để đền ơn tiên sinh trong muôn một.

Nếu là Hàn Tín ắt đã tỏ lòng mừng rỡ biết ơn rồi Trương Lương khôn ngoan trả lời: - Thần từ khi theo bệ hạ vào đất Quan Trung, phước chí tâm linh, nhiều khi tình cờ tính toán mà đúng việc. Đó cũng bởi lòng trời muốn giúp bệ hạ chứ đâu phải là tài năng của thần. Nay bệ hạ phong thần là Lưu hầu, một kẻ áo vải mà đã được như thế đối với thần đã quá lắm rồi. Sau khi đã đội ơn dày của bệ hạ, thần muốn xa lánh trần gian theo Xích Tùng Tử mà đi chơi, nghiên cứu cái phép tịch cốc, tìm kế trường sinh. Đến như ngọc vàng chói mắt, mũ áo đầy

nhà, những cái mà người ta thèm muốn không được, tấm thân đa bệnh, yếu ớt này không sao kham nổi. Thật, thần không dám mong mỗi tháng ân hơn nữa.

Vua thấy Lương từ chối, ý tứ khẩn thiết cho phép về nhà dưỡng bệnh, mỗi tháng phải một lần vào chầu.

Lương từ đó đóng cửa, không bước chân ra ngoài, ngồi nhà mà tu tâm dưỡng tính. Mỗi tháng chỉ theo các quan vào chầu một lần, khi lui chầu tuyệ không nghĩ đến điều gì cả.

Đây là cái đạo “công thành thân thoái, minh triết bảo thân” tức là cái đạo “ngoại kỳ thân nhi thân tồn”^[15] và “bất tranh nhi tiện thắng”^[16] của cổ nhân vậy.

Hiền giả Epictète nói: “Hai con chó con đương giỡn với nhau. Nếu ta liệng cho chúng một miếng xương, chúng sẽ cắn nhau trối chết”. Tuy là lời nói tầm thường mà bao hàm một thứ triết học sâu xa không biết chừng nào

Đem loài chó để ám chỉ loài người thì cũng hơi đáng cay đau đớn thật, nhưng sự thật như thế, biết sao bây giờ!

“Miếng xương” có thể là một miếng đất hay một tòa nhà, một ngôi khanh hay một vương vị... Hễ cùng cho có một giá trị như nhau mới có cùng nhau tranh đấu Trái lại thì không. Người ta có đi tranh với chó miếng xương vụn hay không? Kẻ mà chí đã gác ngoài thế sự, xem vinh hoa như bả phù vân thì còn đi chơi với người tôi cái ngôi khanh tướng làm gì được. Hán Tín và Hán Vương tranh nhau bởi hai người này cho cái phú quý vinh hoa là sanh mạng. Chứ với Tử Phòng thì Hán Vương có muốn tranh, cũng không thấy có chỗ nào cùng tranh cho được. “Phù duy bất tranh, cổ thiên hạ mạc năng dữ chi tranh”. Chỉ vì không tranh nên thiên hạ không sao cùng tranh được là thế.

Trong sách Trang Tử có câu chuyện ngộ nghĩnh này: Huệ Tử làm tướng quốc nước Lương. Trang Tử tính qua thăm ông chơi.

Nhưng có kẻ nói riêng với Huệ Tử: “Trang Tử qua đây là cùng ông tranh ngôi tướng quốc đó”.

Huệ Tử sợ, cho kẻ canh gác biên giới, đợi Trang Tử qua thì bắt.

Trang Tử biết chuyện ấy, không đi.

Sau rồi lại đến, gặp Huệ Tử, Trang Tử nói: “Phương Nam có con chim gọi là Uyên Sồ, ông có biết không? Uyên Sồ từ biển Nam bay qua biển Bắc, nếu không gặp cây ngô đồng thì không đậu; nếu không gặp hột lựu thì không ăn; nếu không gặp suối trong thì không uống. Có chim ụt đang rửa lông chuột chù giữa đồng, thấy Uyên Sồ bất ngờ bay qua, sợ giành miếng ăn của nó, nên kêu ré lên để dọa Uyên Sồ đừng đáp xuống. Nay ông, vì sợ tôi giành nước Lương của ông mà kêu to lên để dọa tôi sao?”^[17]

Bảo chim ụt và Uyên Sồ cùng tranh nhau để giành cái xác chuột chù là một điều không thể tưởng tượng có được. Với kẻ có một quan niệm về nhân sinh như Trang Tử, xem vinh hoa phú quý của cuộc đời như giọt sương buổi sáng, như hoa trong gương, trắng dưới nước thì không thể còn nói đến chuyện tranh giành những lợi hại ở cõi đời này với họ được nữa.

Chính đây cũng là một phép xử thế, cái phép “làm chiếc thuyền không” của Trang Tử.

“Có chiếc thuyền to vượt qua sông Có chiếc thuyền không trôi dạt đụng vào thuyền. Dù người hẹp bụng đến đâu cũng không giận. Nếu trong thuyền ấy có người, thì tất trên chiếc thuyền to kia đã có người réo gọi Gọi một lần mà không nghe, thì tất gọi đến hai lần Gọi hai lần mà không nghe thì tất gọi đến ba lần rồi thì sinh giận dữ mắng chửi đủ điều Trước không giận mà hay giận, là tại sao? Vì trước thì không có người, mà nay thì có vậy”.^[18]

Nếu ở đời mà Hán Tín biết “làm chiếc thuyền không” thì Hán Vương làm gì hại được

Nhưng Trương Lương đây mới thật là người đại trí: “thông minh duệ trí thủ dĩ ngu”.^[19] Làm chiếc thuyền không là làm như kẻ vô tâm, như kẻ ngu khờ đại dột Học được cái ngu này đâu phải dễ gì! Và chỉ có Tử Phòng mới học được.

Thắng được cả thiên hạ làm gì nếu tự mình không thắng được cái lòng ham mê danh lợi, cái tính hui hui tự phụ của mình! Toàn sinh cho thiên hạ, mà giữ cho thân mình không được toàn sinh thì cũng chưa thể gọi là người trí Bởi thế, bình nhứt Hàn Tín vẫn xem Tử Phòng luôn luôn như bậc thầy

Tóm lại, ta hãy xét kỹ một cách thành thật tấm lòng mình: trong các bạn mà mình thương nhất có nhất là những người thông minh nhất, gần họ bao giờ mình cũng thấy thấp kém hơn, hay những người thật thà nhất, gần họ bao giờ mình cũng thấy cao trọng hơn?

Cái ghét nhất của người đàn bà đẹp, là có người đẹp hơn mình Cái ghét nhất của người thông minh, là có người thông minh hơn mình. “Người ta chịu thích học văn hay mà không thích gần người viết văn hay...”. Cái đó mình cũng có thể hiểu được.

Và hiểu được bấy nhiêu là hiểu được rất nhiều cái đạo xử thế.

CHƯƠNG THỨ NĂM: ĐẠO CƯƠNG NHU

“Nhu thắng cương
nhược thắng cường”
(Lão Tử)

ĐỜI TRANG CÔNG, nước Tề có một chàng đêm nằm chiêm bao thấy một người to lớn, mặc áo vải quần gai đeo gươm tự xưng đi vào tận nhà, mắng chửi, rồi lại nhổ vào mặt mà đi.

Anh ta giựt mình tỉnh dậy ngồi suốt đêm, bức dọc không ngủ được.

Sáng hôm sau, anh nói chuyện với một người bạn:

- Từ thuở nhỏ đến giờ, tôi vẫn là người hiếu dũng, đến nay đã sáu mươi tuổi rồi chưa hề bị phải một đòn nào làm nhục. Thế mà đêm hôm qua bị phải một đòn nào làm nhục tôi. Tôi định tìm cho kỳ được đòn ấy để báo thù. Nếu tìm thấy nó thì hay, không tìm thấy, chắc là tôi phải chết

Rồi từ hôm ấy, cứ sáng nào anh ta cũng cùng bạn ra đứng ở ngoài đường cái để rình. Rình đã ba ngày vẫn không thấy Anh ta về nhà uất cả người lên mà chết.^[20]

Câu chuyện thật là ngớ ngẩn nhưng nó tỏ rõ được cái tâm sự của người bị nhục không biết chừng nào. Người ta ở đời có thể chịu được tất cả sự đau khổ về vật chất lẫn tinh thần, nhưng cái đau khổ của sự bị nhục thật là một thứ đau khổ thiết tha hơn tất cả sự đau khổ trong đời. Nên mới có câu: “Ninh thọ tử, bất ninh cho nhục”. Thà chết, chứ chẳng thà chịu nhục.

Dẫu là một kẻ tầm thường đến đâu cũng biết xem thường mạng sống mình khi gặp nhục. Xem như những cuộc phục thù rửa hận, giết hại lẫn nhau hằng ngày cũng đủ rõ. Bị nhục là điều khó nhin nhất mà nhin được, ắp phải là kẻ có tiết khí hơn người. Đâu phải đó là khiếp nhục như bọn thất phu đã hiểu

Tô Thức nói: “Kẻ mà gọi được là hào kiệt, ắt phải có tiết khí hơn người. Nhơn tình có chỗ không thể nhin được, bởi vậy, kẻ thất phu gặp nhục thì tuốt gươm đứng dậy, vươn mình xốc đánh. Cái đó chưa đủ gọi là dũng. Những bậc đại dũng trong thiên hạ, trái lại, thành linh gặp những việc phi thường cũng không kinh, vô có bị những điều ngang trái cũng không giận. Đó là nhờ chỗ hoài bão của họ rất lớn và chỗ lập chí của họ rất xa”.

Câu nói ấy thật là hiểu được tâm sự của những bậc đại hào kiệt trong đời vậy.

Nhin được cái điều người ta không thể nhin được, dung được cái điều người ta không thể dung được. Phải là người độ lượng hơn người, kiến thức hơn người, điềm tĩnh hơn người, mới làm nổi

Việc Câu Tiễn đánh Ngô bị thua to. Ngô Vương bắt Câu Tiễn giam ở Cối Kê ba năm, bắt chịu không biết bao nhiêu điều sỉ nhục của một người thất trận.

Nếu Câu Tiễn không dằn nổi cái nhục ấy mà tự sát thì nước Việt không mong gì khôi phục và ắt phải đến diệt vong cũng không chừng. Sở dĩ mà dằn nổi, nhơn vì Câu Tiễn hoài bão rất to, lập chí rất vững. Thật là một sự kiên tâm nhẫn chí phi thường

Từ một nước chiến bại mà làm cho nó trở nên cường thịnh đến diệt được nước Ngô và lên làm bá chủ thiên hạ, nếu không phải Câu Tiễn không sao làm nổi.

Người có một tâm hồn dũng mãnh như vậy, thế mà lần lượt chịu đựng hết muốn nổi, tỏ ý liều chết Phạm Lãi khuyên can: “Ngày xưa, vua Trụ giam Văn Vương ở Dũ Lý, giết con Văn Vương là Bá Ấp Khảo rồi làm mắm mà đem vào cho Văn Vương. Thế mà Văn Vương cũng chịu nhục ăn thịt con. Ta muốn thành đại sự thì cần gì những điều nhỏ mọn ấy.

Thấy Câu Tiễn phục lỵ, khúm núm, rụt rè Ngô Vương khinh thường, cho là khiếp nhục và có ý muốn tha. Ngũ tử Tư bèn can:

“Sao Đại Vương nghĩ lầm như vậy! Con hổ mà thu hình lại thì tất là để chực vồ đấy! Con ly rút cổ lại, tất là định đánh cướp đấy! Vua Việt vào làm tôi Vua Ngô, dẫn trong lòng oán giận, đại vương làm gì có thể biết được. Bây giờ cúi xuống mà nếm đồng phần của đại vương, chắc đâu sau này không có một ngày kia ngẩng đầu lên mà ăn bộ lông của đại vương”.

Bực hào kiệt trong đời, họ hiểu tâm sự nhau rất rõ.

Phạm ở trong thế yếu mà nuôi chí báo thù lại không có đủ dõm lược chịu được những điều sỉ nhục, ắt không bao giờ làm nên đại sự.

Nước Hàn có Trương Lương, tên chữ là Tử Phòng. Tổ tiên Trương Lương năm đời làm tướng nước Hán. Từ khi Tần Thủy Hoàng diệt nước Hán, Trương Lương đem ngày căm hận, một lòng vì nước báo thù. Tự mình xuất ra ngàn nén vàng để kết nạp các tráng sĩ trong nước, định giết Tần Thủy Hoàng.

Sau gặp được một tráng sĩ sức vóc cũng khá, cầm nổi cái dùi nặng trăm cân, nên lưu ở trong nhà. Ngày kia, được tin Thủy Hoàng đi qua con đường huyện Vũ Dương, Lương bèn sai tráng sĩ núp ở trên một cái gò cao, để rình đánh Thủy Hoàng. Nhưng tráng sĩ lại đạp lầm xe, bị Thủy Hoàng đem ra giết.

Lương chạy trốn sang Hạ Bì vào ở nhà Hạng Bá. Bá là bạn thân của Lương nên giấu Lương trong nhà.

Ở đó một ít lâu, một Trương Lương đi chơi ra ngoài thành, đến đầu Dĩ Kiều ngắm xem phong cảnh. Bấy giờ bóng chiều đã xế, chợt thấy một ông cụ già đi qua. Ông già nhìn Trương Lương lắc đầu: “Thật đáng tiếc!”. Rồi bỏ đi. Đến giữa cầu lỡ đánh rơi chiếc dép xuống bùn, liền vẫy tay gọi Lương bảo: “Này, bé con xuống lượm chiếc dép giùm ông”.

Trương Lương thấy ông cụ già cốt cách khác thường liền vâng lời, lội xuống bùn, lượm chiếc dép, quỳ xuống đưa cho ông già. Ông cụ xỏ dép mà đi, lại đánh rơi lần nữa. Cũng bảo Lương xuống lượm. Lương vâng lời, lượm lên như trước. Cứ như thế đến ba lần mà gương mặt của Lương không thấy tỏ vẻ gì bực dọc cả. Ông lão thấy vậy gật đầu khen: “Thằng bé này dạy được đấy!”.

Nói xong chỉ vào gốc cổ thụ ở gần đó mà bảo Trương Lương: “Năm ngày nữa, con đến đây, ông sẽ cho một vật quý. Con phải y ước, đừng sai hẹn”.

Năm hôm sau, Trương Lương dậy sớm, y bước đến chỗ gốc cây thì đã thấy ông cụ già ngồi ở đấy rồi.

Ông cụ thấy Trương Lương thì mắng: “Đã hẹn với người già mà sao lại đến chậm? Thôi, ta hẹn cho năm ngày nữa, phải đi cho sớm”.

Năm hôm sau, đầu canh năm, Trương Lương vội vàng dậy ra đi, dè dặt đến nơi lại thấy ông cụ ngồi ở đấy rồi.

Ông cụ lại mắng, rồi hẹn năm ngày nữa.

Lần này, Trương Lương không đi ngủ, đi ngày từ chập tối, đến gốc cây ngồi đấy để chờ. Không bao lâu thấy ông cụ phờ phớt từ đằng xa đi lại. Trương Lương sụp lạy để đón. Ông cụ trao cho ba quyển sách bảo về đọc ngày sau có thể dùng để an bang tế thế

Trương Lương về sau quả trở nên một bậc thầy của đế vương, gây dựng cơ nghiệp nhà Hán.

Người sau có kể cho là việc Tử Phòng được sách của ông lão trên cầu là một việc thần kỳ quái đản Nhưng biết đâu đời Tần lại không có những bậc ẩn quân tử bày ra những chuyện như thế để dò xét sự tế nhị trong tâm hồn của con người! Biết đâu đấy không phải là thâm ý của các bậc thánh hiền họ muốn dạy bảo nhau! Bởi người ta không xét cho kỹ, nên mới cho là quái đản thần kỳ, thật là không hiểu được chỗ dụng ý sâu xa của những bậc ẩn sĩ đời xưa vậy.

Đương lúc Hàn suy vong, Tần hưng thịnh, Tần lại dùng cực hình, đao, cưa, chảo, vạc để mà thao túng kẻ sĩ trong thiên hạ. Thậm chí những kẻ nhàn cư vô sự cũng bị tru diệt không thể kể cho hết được.

Dẫu trong thiên hạ, người người đều oán hận, nhưng vì nhà cầm quyền quá gắt gao dòm ngó nên không chỗ để thi hành. Tuy vậy, lòng phẫn uất ấy cũng không để dè dặt Tử Phòng, cũng như muôn người khác, làm sao dè nổi cái lòng phẫn uất của mình. Bởi vậy, mới có sự dùng đến cái dũng của thất phu, thuê tráng sĩ để rình mò hành thích Thủy Hoàng. Thật bấy giờ cái chết của Tử Phòng chỉ cách một lần tóc, nghĩ cũng thật là nguyên hiểm.

Đứa con quý không thể để cho nó chết về tay kẻ cướp. Tại sao vậy? Vì cái thân của nó rất quý, đâu có thể để cho nó chết vì kẻ cướp. Tử Phòng tài năng cái thế, tại sao không chịu mưu sự như Y Doãn hay Thái Công, lại đi hành sự như Kinh Nha, Nhiếp Chánh May mà khỏi chết cũng là một sự bất ngờ Nên ông lão trên cầu mới than: “Thật là đáng tiếc”.

Ông sờ dĩ ra dáng kiêu ngạo, là vì ông biết tài năng của Tử Phòng có dư, nhưng còn sợ độ lượng của Tử Phòng chưa đủ nên mới dày dọ cho tiêu mất cái kiêu khí của thiếu niên, đặt cho biết “nhìn việc nhỏ để thành việc lớn” Nếu không vậy, sao xưa nay chưa biết nhau, chỉ mới gặp nhau nơi thảo dã, lại sai làm việc như kẻ tôi đòi Nhưng mà Tử Phòng làm rất tự nhiên, không lấy gì làm lạ cả. Nên ông mới nói: “Trẻ này dạy được!”.

Như Sở Trang Vương phạt Trịnh, Trịnh Bá trần mình dắt dê ra nghinh tiếp. Trang Vương nói: “Chúa nó dám hạ mình, thế nào cũng đặt lòng dân tín dụng”. Bèn không đánh Trịnh mà rút quân về.

Câu Tiễn bị dày ở Cối kê, làm đũa ở vua Ngô ba năm, mà không nản Nên về sau diệt được Ngô, trả được cái thù ngày trước.

Đó, phàm có chí báo thù mà không biết hạ mình được, đây là cái dưng của kẻ thất phu vậy.

Coi như Hán Cao Tổ sở dĩ thắng Hạng Vũ mà Hạng Vũ bị Hán Bái Công giết là nhờ biết nhẫn hay không biết nhẫn mà ra. Hạng Vũ không thể nhẫn nên trăm trận trăm thắng rồi khinh dụng cái sức của mình. Cao Tổ biết nhẫn nên dưỡng sức mình để chờ Hạng Vương suy Đó, đều là nhờ Tử Phòng chỉ bảo cho vậy.^[21]

Lúc Hàn Tín thắng Tề muốn xưng Vương. Cao Tổ giận ra mặt. Coi đó đủ thấy người như Cao Tổ rất sành cái đạo “nhu nhược thắng cương cường” thế mà chừng ấy khí cương cường “không thể nhẫn” cũng vẫn còn. Nếu không phải Tử Phòng bấm chân, rỉ tai dạy bảo cho thì còn ai làm nổi sự này. Cho nên người sau bảo: Hán đế mà làm nên nghiệp cả cũng nhờ Tử Phòng dạy cho chữ Nhẫn.

Xét người hào kiệt anh hùng có thể mưu đồ đại sự, người xưa thường căn cứ vào chỗ biết nhẫn hay không biết nhẫn ấy mà luận, thật cũng là khám phá.

Như Hàn Tín lúc thất thời, nghèo ngao ngoài chợ, gặp tên đồ tể điểm nhục. Nếu độ lượng của Hàn Tín còn non, chịu không nổi cái nhục vô cớ ấy ắt về sau không bao giờ làm nên đại nghiệp. Người mà không biết đường khinh trọng, vụ nhỏ bỏ lớn, gặp nhục thì “tay tuốt gươm, vươn mình xốc đến” người như thế mà đem binh quyền trong thiên hạ giao cho thì nguy hiểm không biết chừng nào.

Trương Lương có lẽ đã nghĩ như thế này.

“Diệt cái vũ dưng của Hán Vương, trong thiên hạ không ai hơn Hàn Tín. Việc luồn tròn của anh mà phần đông thiên hạ hiểu lầm là khiếp nhục là một việc đại dưng trong đời. Với cử chỉ ấy, anh ta tỏ ra là người biết tiểu nhẫn để thành được đại mưu. Những kẻ vũ phu tiểu khí, cũng như mọi người, ắt đã đem cái “thất phu chi dưng” để thỏa mãn cái “huyết khí chi nô” của nhất thời rồi. Những kẻ như thế mà đem tánh mạng muôn quân giao cho thì đại sự ắt phải hỏng. Nếu ta muốn tìm những kẻ tay sai dưới trướng mà sức mạnh địch nổi muôn người thì kẻ dưng sĩ trong thiên hạ ta sẽ chở về cho chúa công mấy xe cũng có. Nhược bằng muốn tìm một người diệt Sở phá Tề, đồ vương định bá cho Hán Vương thì phi người đó không còn ai nữa”.

Nghĩ thế thật là suốt lẽ.

Hàn Tín khi diệt được Hạng Vũ, lên làm Sở Vương liền cho người đi tìm tên đồ tể đã làm nhục mình khi trước mà phong chức cho. Tín nói với kẻ tả hữu: “Hắn là một kẻ tráng sĩ đó. Khi hắn làm nhục ta, giá trị giết hắn đi cho hả lòng, thì lấy đâu được có ngày nay. Chỉ vì ta biết nhẫn, lập chí cao, hoài bão lớn mà ngày nay mới được như thế này. Phong cho hắn, há phải là không có ý nghĩa ư?”.

Đây là cách trả thù của Hàn Tín. Nhìn sâu vào tâm sự của Hàn, ta thấy Hàn chưa đủ sức để quên các mối nhục nhỏ ấy. Bởi vậy, vừa được phong vương là nhớ đến cái nhục ngày xưa, cho người đi tìm kiếm. Phong chức cho là để tỏ cái lòng quảng đại hơn người và nhắc cho tên thiếu niên ác nghiệt nọ cái việc làm ngu dại của nó để cho nó hằng ngày hằng tưởng nhớ đến cái khoan hồng của người trượng phu cao hơn nó. Tín nghĩ: trả thù là tỏ ra mình ngang hàng với người thù. Tha thứ là đứng trên họ. Phong tước lại càng đứng trên nữa. Than ôi!

Đối với một kẻ thất phu, Hàn Tín còn không thể quên được cái nhục thảo nào đối với Hán Vương ông không đi so đo từng việc một. Bởi cái độ lượng ấy chưa thật rộng, nên suốt đời ông mới tự chuốc không biết bao nhiêu tai họa.

Những kẻ cầm quyền thiên hạ lại cần phải điềm tĩnh hơn bậc tầm thường, biết gác cái lòng tự ái riêng mình một bên, nếu gặp phải những trường hợp có sự tranh chấp giữa quyền lợi công và tư. Lắm khi vì thiếu điềm đạm, rồi dùng đến cái dũng của thất phu thì hỏng luôn cả đại sự. Bởi vậy, ta thấy những bậc vĩ nhân làm nên việc lớn đều là những người trầm tĩnh ung dung.

Dẫu là kẻ tài hoa học vấn cao đến đâu, mà thiếu điềm tĩnh, nhứt định không nên giao cho họ những việc lớn của thiên hạ. Thô lỗ, vụt chạc, nóng nảy là một vấn đề thuộc về tính khí, không ăn chịu gì đến vấn đề thông minh trí thức cả.

Vua Triệu phong Lạn Tương Như làm tướng quốc. Liêm Pha cậy mình có nhiều công hơn mà lại đứng dưới nên tức giận, hăm hể gặp mặt Tương Như thì giết đi.

Tương Như nghe nói cứ lánh mặt mãi. Một hôm Tương Như ra ngoài, gặp toán lính tiền đạo của Liêm Pha, vội bảo tên đánh xe đi tránh vào trong ngõ, đợi Liêm Pha đi qua rồi mới đi ra.

Bọn xa nhân thấy thế tức giận, bèn họp nhau hỏi Tương Như: “Chúng tôi bỏ nhà cửa, xa thân thích đến đây hầu Ngài tức coi Ngài là bậc trượng phu nên mến mà đi theo. Nay Ngài cùng Liêm tướng quân cùng hàng mà hạ thứ lại ở trên, Liêm tướng quân nói dọa Ngài đã không báo lại, đã tránh ở triều, lại tránh ở ngoài đường. Sao Ngài lại sợ quá thế vậy? Chúng tôi thật lấy làm xấu hổ, vậy xin đi, không ở nữa”.

Tương Như nói: “Các người xem Liêm tướng quân có hơn được vua Tần không?”. Bọn xa nhân thưa: “Không!”. Tương Như nói: “Lấy như cái oai của vua Tần, thiên hạ không ai dám chống. Tương Như này một mình dám đứng giữa triều đình, lại làm nhục cả quần thần nữa. Tương Như dẫu hèn, há lại sợ một Liêm tướng quân ư? Nhưng ta nghĩ Tần sở dĩ không dám đánh Triệu là vì ngại có ta và Liêm tướng quân. Nay hai con hổ tranh nhau, thề không cùng sống. Tần mà nghe tin, rất thừa cơ đánh Triệu. Ta sở dĩ chịu nhục tránh Liêm tướng quân là coi việc nước là trọng mà thù riêng là khinh vậy thôi”.

Bọn xa nhân quì mọp mà rằng: “Tiểu nhân chúng tôi trí hẹp làm sao độ nổi đại chí của tướng công”.

Liêm Pha khi hay được việc ấy, cả thẹn than rằng: “Ta thật còn kém xa Tương Như biết mấy”. Bèn trần vai áo đến trước cửa Tương Như tạ tội: “Tôi tính thô bạo, đội ân tướng quốc bao dung, nghĩ lấy làm hổ thẹn quá!”.

Tương Như đỡ dậy, nắm tay cùng khóc và kết làm bạn sống chết với nhau.

Cho hay cái mà thiên hạ cho là rất mềm lại thường thắng được cái rất cứng của thiên hạ.^[22] Nghĩa là nhu nhược thắng cương cường là như thế ấy.

Cổ nhân có nói: “Nuốt đắng cái cay đắng trong cái cay đắng mới làm được hạng người trên loài người”. Và “Khí tượng như chim phụng hoàng liệng trên mây xanh thì những lợi hại con con không động được tâm nữa”.^[23]

Phần đông người ngày nay quen dùng cường lực nên cho những tư tưởng, những cử chỉ như trên là một sự yếu hèn khiếm nhược.

Người xưa, trái lại cho sự điềm đạm là triệu chứng của sự mạnh mẽ hùng dũng nhất của tâm hồn. Họ cho “nhu trung hữu cương” mà “cương trung hữu nhu”.^[24] Triết học kinh Dịch, nền tảng của tất cả triết học Á-Đông cổ, cho rằng trong trời đất không sự gì vật gì, mà không hàm chứa mâu thuẫn nơi trong. Cái đạo Cương nhu, Thánh nhân thường ví với cái đạo lửa nước. Lửa là cương đạo. Nước là nhu đạo. Đạo xử thế người xưa đã được bàn võ lẽ trong hai quẻ này vậy: quẻ Ly và quẻ Khảm.



Quẻ Ly, hai hào dương bao ngoài, còn hào chính trung là hào âm, nghĩa là “ngoại thực nhi trung hư”,^[25] “thể nó là âm mà dụng nó là dương”,^[26] còn cái tượng nó là lửa.

Quẻ Khảm, hai hào âm bao ngoài, còn hào chính trung là hào dương, nghĩa là “ngoại hư nhi trung thực”,^[27] “thể nó là dương mà dụng nó là âm”, còn cái tượng nó là nước.

Tâm lý học đương thời gọi đó là trạng thái lưỡng cực (ambivalence) và cũng nhìn nhận cái lẽ mâu thuẫn đã nói trên trong kinh Dịch. Họ nhận rằng hễ bên ngoài mà thô bạo cương cường bao nhiêu đó là biểu hiện của sự hèn yếu bạc nhược của bên trong bấy nhiêu. Có đúng như vậy: bạo động là con đẻ của cái sợ, nghĩa là của một tâm hồn yếu đuối, không làm chủ được mình. Trái lại, những kẻ đứng trước những khiêu khích thậm tệ mà vẫn thản nhiên, trầm tĩnh ung dung như không có việc gì, người ấy bên trong có một sức mạnh hùng dũng phi thường Bởi vậy, người xưa cho rằng sự dùng bạo lực “tuốt gươm đứng dậy, vươn mình xốc đánh” là cái dũng của kẻ thất phu, còn “thình lình gặp những việc phi thường cũng không kinh, vô cớ gặp những điều ngang trái cũng không giận”, ung dung bình tĩnh đó là cái dũng của thánh nhân.

Điền Quang, vì thái tử Đan, lựa cho một người dũng sĩ để đi hành thích Tần Thủy Hoàng Thái tử Đan nói: “Nghe tiên sinh là người trí dũng kiêm toàn, có nhiều kỳ kế có thể cứu sống nước Yên không?”. Điền Quang từ chối vì đã già yếu không làm gì được nữa. Đan nói: “Trong chỗ bạn thân với tiên sinh, hiện có người nào trí dũng như tiên sinh lúc còn nhỏ không?”. Quang nói: “Khó lắm! Thái tử thử xem những khách ở trong nhà có mấy người có thể dùng được, bảo ra đây cho tôi xem”. Thái tử Đan liền cho gọi bọn Hạ Phù, Tống Ý, Tần Vũ Dương đến chào Điền Quang.

Điền Quang xem qua một lượt, hỏi rõ họ tên, rồi bảo riêng với Thái tử: “Tôi xem những người khách của thái tử không người nào dùng được cả. Hạ Phù là người máu hăng, giận thì

mặt đỏ. Tống Ý là người khí hăng, giận thì mặt xanh. Tần Vũ Dương là người cốt hăng, giận thì mặt trắng. Tức giận mà hình lộ ra mặt để cho người ta biết, thì làm sao nên được việc lớn. Tôi có biết một người gọi là Kinh Kha, thật là một người thần dũng. Mừng giận không hiện ra mặt, điềm đạm phi thường Tôi tin rằng người ấy hơn những người này xa”.

Lối xem người của Điền Quang thật là tinh lắm. Đó là nhận thấy được tới chỗ “trung thực nhi ngoại hư” mà “ngoại thực nhi trung hư” vậy.

Người ta ở đời thường lại không thông lẽ ấy, cho nên cái gì bạo động, hống hách, kiêu ngạo, khiêu khích là biểu hiện của sự mạnh mẽ bên trong. Thật là một sự hiểu biết nông nổi không biết chừng nào.

Ta há không thấy những bậc đại hiền bên trong đầy đủ thường tư cách khiêm cung nhã nhặn một cách tự nhiên, trái lại, những kẻ thấp kém bên trong, học lực tầm thường thì bề ngoài thích khoe khoang, chưng dọn! Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ.

Người xưa, rất thâm hiểu lẽ ấy nên mới có câu chuyện ngụ ngôn sau:

“Kỷ Tĩnh Tử lãnh phần tập gà đá độ cho vua.

“Được mười ngày, hỏi thăm, Kỷ Tĩnh Tử nói: “Chưa! Gà còn kiêu khí!”

“Mười ngày nữa, hỏi thăm. Tĩnh Tử nói: “Chưa! Gà còn gáy đáp với gà khác. Thấy gà khác, còn biết cảm động.”

“Mười ngày sau nữa, hỏi thăm, Tĩnh Tử cũng nói: “Nó còn thanh khí, hăng hái lắm.”

“Mười ngày nữa, lại hỏi thăm, thì Tĩnh Tử nói: “Được rồi! Nghe tiếng và thấy mặt đồng loại của nó, nó không còn biết cảm động nữa. Nó nay như khúc gỗ rồi. Không còn gà nào đối đầu với nó nổi nữa.”^[28]

Ta thấy rõ: còn dùng bạo lực là vì bên trong còn khiếp đảm. Người mà thắng được cái tinh thần khiếp đảm bên trong thì mới giữ được vẻ ung dung trầm tĩnh bên ngoài. Tên trộm kia sở dĩ gây nên tội giết người nào nó muốn như vậy, mà vì hốt hoảng nên đột nhiên mới dùng đến thủ đoạn sát nhân. Bạo động là con đẻ của cái sợ. Nó là sức mạnh của những tâm hồn yếu đuối. Người ta mà chưa giải thoát được cái sợ thì chớ mong bàn đến sự điềm tĩnh làm gì.

Thử giở lịch sử ra xem sẽ thấy: trong các cuộc cách mạng, sở dĩ có những tàn bạo ghê hồn đều do cái sợ mà ra cả.

Những kẻ bị cái sợ ám ảnh thường rất dễ trở nên những người tàn bạo, như các nhà độc tài xưa nay vậy. Vụ tàn sát khổng lồ mà lịch sử cách mạng Pháp thường gọi là Massacre de Septembre năm 1792, rùng rợn bạo ác đến bậc nào, nguyên do vì đâu, nếu không phải vì sự hốt hoảng của dân chúng Pháp trước cái họa ngoại xâm mà gây ra không?

Tóm lại, người điềm tĩnh không phải người nhu nhược, theo cái nghĩa người ta thường hiểu là bạc nhược đâu Sự thật, chính là người dũng mãnh nhất đời Và bởi họ là người bên

trong cương cường nhất, nên bên ngoài bao giờ cũng thích dùng sự dịu mềm nhất như trước đây đã bàn đến quẻ Khảm.

Dùng phép “nhu nhược” để thắng “cương cường” cần phải có tinh thần điềm tĩnh nhất mới sử dụng nổi. Bởi vậy người xưa mới bảo: “Trong thiên hạ không chi mềm yếu hơn nước, thế mà đánh đổ sự cứng rắn không chi hơn đó được Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh, thiên hạ đều biết, nhưng không sức làm nổi”.^[29]

Người ta ai cũng có lòng tự trọng, không ai muốn ai chạm đến lòng tự ái của mình. Cho nên dùng bạo động thì tàn bạo ắt sanh ra. Lấy oán mà báo oán thì oán oán chấp chùng, lẽ dĩ nhiên nó phải vậy. Dùng nhu thuật, tức là tránh sự đụng chạm đến lòng tự ái của người.

Gandhi giải thích nó như thế này: “Phải có hai người mới có thể tranh đấu với nhau được. Hai bên cũng phải bằng lòng với nhau mới có thể chiến đấu với nhau: Sự kháng cự của người bị hiếp là điều kiện cần thiết để cho kẻ hiếp người kia có chỗ hiếp được. Chính họ tấn công vào sức kháng cự ấy. Bởi vậy, bất kỳ là ai trong hai chiến sĩ, có thể, lúc nào cũng đứng, làm ngưng cuộc chiến đấu. Họ chỉ từ chối không kháng cự thì bên đối phương không chỗ vịn vào mà chiến đấu được nữa

“Nếu tôi đánh anh một bạt tai bên má mặt, mà anh đánh tôi lại một bạt tai thế thì tranh đấu bắt đầu ký kết với nhau rồi: chúng ta một mất một còn với nhau. Trái lại, nếu anh đưa má bên trái cho tôi và nói: “Đây, cho phép anh đánh luôn một bạt tai nữa tôi chịu sự nhục nhã đau đớn ấy để tỏ cho anh thấy sự lầm lỗi của anh đấy”, thì chắc chắn cánh tay tôi không còn cử động nữa sự giận dữ tiêu tan nhường chỗ cho sự khứng khiếp và hết khứng khiếp đến suy nghĩ”.^[30]

Chính Napoléon còn phải nói: “Điều mà tôi thán phục nhất trong đời là sự bất lực của sức mạnh để tổ chức. Trong đời chỉ có hai sức mạnh thôi: Lưỡi gươm và tinh thần. Lâu dần, lưỡi gươm cũng bị tinh thần đánh bại”.^[31]

Dùng “nhu” để thắng “cang” tức là nhường nhịn lánh mình để làm cho cái đà tấn công của đối phương phải sa vào chỗ không không như gặp phải “chiếc thuyền không” của Trang Tử.^[32]

Phép đấu võ của Nhật, thường gọi là Nhu-đạo (Judo), chính dùng nguyên tắc này làm căn bản: lấy “hu” để thắng “thực”, lấy “nhu” để thắng “cang” Phép đấu võ này ta phải nhìn nhận là “bá chiến bá thắng”. Thật vậy, sức mạnh của một quả đấm căn cứ nơi đâu mà có? Chắc chắn nếu không có một vật nào hứng chịu nó thì không lấy đâu mà biết được nó là sức mạnh. Bởi vậy, nguyên tắc của Nhu-đạo là: Không chống lại với cái đà tấn công bên địch để cho sức mạnh ấy không chỗ chịu đựng mà phải mất trớn và mất luôn cả sự thăng bằng. Bây giờ, mình chỉ dùng một chút sức mọn thôi cũng đủ làm cho bên địch thất bại như trở bàn tay. Phàm đấu võ với tay sành Nhu-đạo mà càng dùng sức mạnh chừng nào lại càng nguy hiểm cho tánh mạng mình chừng nấy.

Tuy nhiên, dùng nhu cũng không phải là một vấn đề tuyệt đối.^[33] Lạn Tương Như đối với Liêm Pha thì dùng Nhu-đạo, nhưng đối với vua Tần thì lại dùng đến cương đạo một cách triệt để. Chấp kinh cũng phải biết từng quyền.

Như tôi đã nói trước đây, dùng đến đạo “nhu” chỉ có những ai đã hoàn toàn làm chủ lấy mình rồi, những kẻ đã đạt đến cái tinh thần đại dũng^[34] mới có thể làm nổi mà không phải thất bại. Chưa phải là bức đại dũng mà bắt chước làm theo theo cái làm của người đại dũng có khi chỉ là một việc trò hề: “Thân dê mà lột cạp, thấy chó sói thì run mà thấy cỏ thì thích”.

Lại cũng có khi nguy nữa là khác.

Tử Sản, lúc bình trọng, căn dặn con là Thái Thúc: “Chừng ta chết rồi, chắc là người sẽ cầm quyền chánh trị. Chỉ có bậc đại đức mới có thể dùng được khoan chánh mà phục dân. Còn kỳ dư, hay hơn phải dùng nghiêm chánh. Lửa nóng, dân sợ nên bị chết thiêu ít; nước mát, dân lờn nên phải chết chìm nhiều. Dùng khoan chánh mà trị dân thật khó cho người.”

Tử Sản chết, Thái Thúc lên cầm quyền, dùng khoan chánh, không nỡ dùng nghiêm chánh. Trong nước trộm cướp nổi lên, chặn bắt hành khách lối đằm Hoàn bồ.

Thái Thúc ăn năn nói: “Nếu tôi sớm nghe theo Tử Sản thì họa hại không đến nỗi này”. Bèn đem binh tận sát bọn cướp Hoàn bồ. Trong nước dứt đạo tặc.

Khổng Tử nói: Hay lắm! Dùng khoan chánh thì dân dễ người; dân dễ người phải dùng nghiêm chánh mà trị nó. Dùng nghiêm chánh thì dân khổ sở; dân khổ sở, phải dùng khoan mà cứu nó. Khoan dùng chế nghiêm, nghiêm dùng chế khoan, thì Chánh trị mới được điều hòa.^[35]

Bấy nhiêu đủ cho ta thấy, dùng cương hay nhu trong việc trị quốc, bình thiên hạ đâu phải là việc dễ và không phải ai cũng làm được.

Đừng làm như người đàn bà rất xấu xí kia cùng ở một xóm với nàng Tây Thi Tây Thi, người nước Việt, nổi tiếng là đẹp nhất một thời. Nàng có chứng đau bụng, mà khi đau, nàng ôm bụng nhăn mặt thì vẻ đẹp lại càng thêm mặn mà không thể tả. Chị đàn bà xấu xí thấy vậy, muốn bắt chước, về nhà cũng ôm bụng và nhăn mặt; người làng trông thấy, tưởng thấy ma quỷ hiện hình Nhà giàu thì đóng chặt cửa lại, không dám ra; nhà nghèo thì bồng bế vợ con mà chạy trốn.

Cũng đừng làm như người thợ đá kia Có một người thợ ngọc qua hàng thợ đá, vào xem các thứ đá, thấy một tảng đá trong có ngọc. Ngọc ấy trắng muốt và có gân đỏ, quý giá vô chừng. Người thợ ngọc nhờ đó mà giàu có.

Anh thợ đá thấy thế, lấy làm thích chí cũng muốn bắt chước. Anh ta nghĩ bụng: Đá nào trong cũng có ngọc. Rồi ở nhà có bao nhiêu thứ đá, đem cả ra đập để tìm ngọc. Không những không thấy ngọc mà các đá vỡ tan chẳng dùng được việc gì nữa. Anh ta vừa mất của vừa lỗ vốn, cùng quần khổ sở, chẳng bao lâu rồi chết.

Trong đạo xử thế, biết mình là bước đầu tiên cần thiết nhất. Trong binh thư Tôn Tử có câu: “Tri kỷ, tri bỉ, bách chiến bách thắng”. Biết mình, biết người thì trăm trận, trăm thắng. Mà biết mình là điều kiện đầu tiên trong đạo tranh đấu và chiến thắng vậy.

Thái Thúc không biết mình, muốn dùng khoan chánh như Tử Sản nên bị trộm cướp nổi lên

Mình chưa phải có cái sắc đẹp tuyệt trần như nàng Tây Thi, thì đừng bắt chước nhan mặt như Tây Thi mà làm trò hề cho thiên hạ

Mình chưa có con mắt nhận được ngọc trong đá như anh thợ ngọc chuyên môn kia, thì đừng có bắt chước làm anh thợ ngọc chuyên môn mà phải cùng quần khổ sở

Toàn là vì không biết mình mà ra nông nổi ấy.

Tại sao không biết làm như người nước Lỗ kia: Nước Lỗ có người ở một mình một nhà. Bên láng giềng có người đàn bà góa cũng ở một mình một nhà.

Một đêm, mưa to gió lớn, nhà người đàn bà đổ, bèn sang xin ngủ nhờ Người láng giềng đóng cửa không cho vào. Người đàn bà đứng trước cửa sổ, nói: “Người sao bất nhân thế? Không cho ta vào!”.

Người láng giềng đáp: “Ta nghe đàn ông đàn bà sáu mươi tuổi trở lên mới ở chung được. Nay người còn trẻ mà ta cũng còn trẻ, cho nên ta không thể cho người vào ngủ trọ được”.

Người đàn bà nói: “Người sao không làm như Liễu Hạ Huệ, ủ người con gái ngồi vào lòng mà không tai tiếng gì”.

Người láng giềng nói: “Ông Liễu Hạ Huệ thì thể được, chứ ta đây chưa thể được. Vì ta cho người vào mà ta không được như ông Liễu Hạ Huệ thì thà rằng ta không cho người vào mà ta cũng giữ không tai tiếng gì như ông Liễu Hạ Huệ. Thế là ta không làm như Liễu Hạ Huệ mà cũng được như Liễu Hạ Huệ vậy”.

Khổng Tử nghe câu chuyện ấy nói: “Phải lắm! Kẻ muốn học ông Liễu Hạ Huệ, chưa ai giống được người nước Lỗ này. Mong làm điều rất phải, không bắt chước cách làm, rồi mà làm được, thế mới thật là người khôn”.

Sức chứa của lòng người phải biết cho nó có hạn. Có người rất liêm khiết, nhưng sức chứa của lòng liêm khiết chỉ chịu đựng nổi đến năm ngàn đồng là cùng. Dưới số đó, không làm sao cảm dỗ họ được, nhưng hơn số đó, họ bị sa ngã ngay. Bởi vậy có người cho làm chức hương cả thì không thềm làm mà cho làm cai tổng thì làm.

Hiếm kẻ với số bạc năm bảy muôn đồng thì vẫn thản nhiên như không: họ vẫn là một người bạn trung thành và luôn luôn liêm sỉ. Nhưng gặp phải số bạc tám chín muôn đồng thì lại thành gian hùng phản bội. Bởi thế mới có kẻ ngày nay là một bậc trung nghĩa mà ngày mai là một tên phản tặc. Tào Tháo khi còn làm một tên tiểu tướng là một trang trung nghĩa mà khi trong tay cầm cả quyền hành thiên hạ lại trở thành một kẻ đại gian đại ác

Kẻ đạo đức, quân tử mà phải sa ngã, buôn dân bán nước nào đâu phải vì họ giả dối mà là vì họ không lường trước cái sức chứa của lòng đạo đức họ là bao nhiêu

Bước đầu của sự khôn ngoan là biết mình. Chưa phải là người đại dũng mà cố bắt chước làm cái làm của người đại dũng thế nào cũng hỏng việc lại còn nguy hiểm cho mình và cho người là khác nữa.

CHƯƠNG THỨ SÁU: BIẾT SỐNG

KHÔN, chết
DẠI, chết
BIẾT sống
(Trang Tử)

NGƯỜI CHÚNG TA thường nói: Khôn sống, mớng chết. Mới nghe, không thể nghi ngờ gì nữa được. Nhưng, nếu nghĩ cho sâu, xét cho rộng ta sẽ thấy, chưa ắt: khôn là sống mà dại là chết.

Khôn, mà khôn như Hàn Tín, Dương Tu thì làm sao mà sống được. Còn dại, mà dại như Phạm Lãi, Tử Phòng thì làm sao mà chết được. Cho nên bàn đến Khôn, Dại chưa biết lấy gì làm chuẩn đích.

Trang Tử cùng đệ tử đi chơi trên núi.

Thấy một cây to, cành lá rườm rà. Một tên thợ rừng đứng bên nó mà không đốn. Hỏi tại sao, nó nói: “Không dùng đặng nó chỗ nào hết.” Trang Tử nói: “Cây này vì bất tài mà đặng sống lâu”.

Ra khỏi núi, Trang Tử ghé vào nhà người quen. Chủ nhà mừng rỡ hối tré làm thịt chim mòng để nấu ăn. Thằng nhỏ thưa: “Có một con biết gáy, một con không biết gáy, giết con nào?” Chủ nhà nói: “Giết con không biết gáy”.

Bữa sau, đệ tử hỏi Trang Tử: “Hôm qua cái cây trong núi vì bất tài mà sống, còn chim mòng, vì bất tài mà chết. Giá như Thầy phải xử trí như thế nào?”

Trang Tử cười nói: “Tài và bất tài, cũng như nhau, đều là quấy cả, nên không thể tránh khỏi lụy thân. Chỉ có kẻ nào biết là sống mà thôi”.^[36]

KHÔN, chết
DẠI, chết
BIẾT, sống.

Biết lúc khôn, biết lúc dại nghĩa là biết thời biết thế. Chung quy chẳng qua biết rõ một chữ “thời”

Lão Tử nói: “Thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu; dũng lực chấn thế, thủ chi dĩ khiếp.” Minh là bực thông minh, trí thức sâu sắc nhất, hãy biết làm như kẻ ngu khờ. Minh là bực dũng lực kinh người, hãy biết làm như kẻ nhút nhát.

Nào đâu có bảo mình phải là đờn ngu! Sự thật là mình phải thật thông minh vì chỉ có kẻ thật thông minh mới biết lúc nào nên làm như kẻ ngu được mà thôi.

Lữ Khôn nói: “Thông minh, người ta ghét; thông minh mà biết làm như ngu, mới thật là khôn kín.”

Nhưng, biết được chữ Thời, đâu phải dễ gì. Thái quá là dở, mà bất cập cũng không hay. “Người trí đi quá mực Trung; kẻ ngu theo không kịp mực Trung ” (Trí giả quá chi, ngu giả bất cập chi).

Phần đông, chỉ “biết tiến, mà không biết thoái; chỉ biết giữ cho còn, mà không biết làm cho mất; chỉ biết lấy cho được mà không biết bỏ đi ” nên, hễ hành động thì chắc chắn không khỏi có điều hối hận.^[37]

Trong sách Liệt Tử có câu chuyện này, cũng tạm có thể miêu tả thái độ “vô khả, vô bất khả” của một người đã học đặng chữ Biết ấy

Tử Hạ hỏi Khổng Tử: “Nhan Hồi là người thế nào?”.

Khổng Tử nói: “Cái nhân của Hồi hơn ta”.

Tử Hạ lại hỏi:

- Tử Cống là người thế nào?

- Cái mau mắn của Tử hơn ta.

- Tử Lộ là người thế nào?

- Cái dũng của Do hơn ta.

- Tử Trương là người thế nào?

- Cái vẻ trang-nghiêm của Sư, hơn ta.

Tử Hạ lấy làm lạ, đứng dậy thưa: “Vậy thì tại sao bốn người ấy lại còn theo Thầy mà học?”

Khổng Tử nói: “Ở đây ta bảo cho: Hồi chỉ biết nhân mà không biết lúc bất nhân; – Tử chỉ biết mau mắn mà không biết lúc chậm chạp; – Do chỉ biết hùng dũng mà không biết lúc nên nhút nhát; – Sư chỉ biết trang nghiêm mà không biết lúc ung dung để hòa đồng với mọi người. Nay gồm tất cả những cái hay của bốn người ấy có mà đối với cái ta có, ta không đổi. Bởi vậy, họ phải thờ ta làm Thầy mà không có hai lòng.”^[38]

Biết đây, là biết tùy lúc mà biến thông cho hợp thời trúng tiết Nếu chỉ biết khư khư một mực dầu hay đến đâu cũng hỏng việc. Mạnh Tử bảo: “Sở ố chấp nhất giả, vị kỳ tặc đạo. Cử nhất, nhì phế bách”. Cái đáng ghét trong sự chấp nhất là vì nó làm hại đạo: làm được một việc mà hư cả trăm việc.

Trọng hệ nhất trong đạo xử thế là biết biến, vì “có biến mới có thông, có thông mới lâu bền được”.^[39]

“Cái nghĩa của chữ tùy thời, lớn vậy thay!”^[40] Cho nên: “Kẻ biết cái đạo tiến, thoái, tồn, vong mà không bao giờ sai cái chỗ chính trung của nó, có lẽ chỉ có bậc thánh nhân mà thôi ư?”^[41]

Ôi! Chỉ có bậc thánh nhân mà thôi ư! Vậy mà bậc thánh như Khổng Tử lại còn phải than:

Vi nhơn nan

Vi nhơn nan.^[42]

Thế mới hay: “Ở đời không có cảnh ngộ nào dễ xử”.

Cái Biết như thế, – cái điều có thể cảm được mà không thể nói ra được, có thể hiểu được mà không thể chỉ ra được ấy, – muốn đạt được nó, phải làm thế nào?

“Thư bất tận ngôn, Ngôn bất tận ý”^[43]

Vậy thì, ta phải biết “tinh nghĩa nhập thần”^[44] mới mong sử dụng được đến cùng cái đạo xử thế của cổ nhân

Phật còn phải bảo với các đệ tử: “Kìa là mặt trăng! Các con cứ theo ngón tay ta chỉ mà nhìn thì thấy. Nhưng, nên nhớ rằng ngón tay ta không phải là mặt trăng cũng như những lời ta giảng về Đạo. Các con có thể theo ta giảng mà tìm thấy Đạo. Nhưng nên nhớ rằng: “Lời giảng của ta không phải là Đạo”.

TÂM SỰ CỦA KHUẤT NGUYÊN

BỮC QUÂN TỬ thời xưa, ở Á Đông đại khái có thể chia ra làm hai hạng người có hai lối nhân sinh, hai đường xử thế khác nhau rất rõ rệt.

Hai hạng người đó, mỗi hạng đều ôm ấp một tâm sự Muốn tìm hiểu tâm sự của mỗi người, một quyển sách cả ngàn trang cũng không sao nói được hết ý. Thế mà nếu có thể tóm lại, người ta cũng có thể tóm lại trong một câu chuyện hết sức gọn gàng đầy đủ trong một trang sách nhỏ: Câu chuyện Khuất Nguyên và lão đánh cá. Đây cũng là chỗ sở trường của người Á Đông vậy.

Khuất Nguyên làm quan cho vua Hoài Vương nước Sở, bị sàm báng mà bị phóng khí. Mặt mũi tiêu tụy, hình dung khô héo, Khuất Nguyên vừa đi vừa hát ở bên bờ đầm.

Có ông lão đánh cá trông thấy hỏi:

- Ông có phải là Tam lư đại phu đó không? Sao mà đến nỗi khốn khổ như vậy?

Khuất Nguyên nói:

- Cả đời đục, một mình ta trong; cả đời say, một mình ta tỉnh, bởi vậy ta mới bị phóng khí.

Ông lão đánh cá nói:

- Thánh nhân không câu nệ việc gì, lại hay tùy thời. Có phải đời đục cả, sao ông không khuấy thêm bùn, vỗ thêm sóng cho đục theo một thể? Loài người say cả, sao ông không biết ăn cả men, húp cả bã cho say theo một thể? Việc gì mà phải phòng xa nghĩ sâu cho đến nỗi phải bị phóng khí?

Khuất Nguyên nói:

- Tôi nghe: mới gội đầu tất phải chải mũ; mới tắm tất phải thay áo; có đâu lại chịu đem cái thân trong sạch mà để cho vật dơ bẩn dính vào mình được? Thà nhảy xuống sông Tương, vùi xác vào bụng cá, chớ sao đang trắng lôm lốp, lại chịu để vấy phải bụi dơ.

Ông lão đánh cá nghe nói tủm tỉm cười, quay chèo bơi đi, hát:

Sông Tương nước chảy trong veo,

Thì ta đem giặt cái lều mũ ta;

Sông Tương nước đục chảy ra,

Thì ta lội xuống để mà rửa chân

Hát xong, đi thẳng, không nói gì nữa.

Tâm sự của Khuất Nguyên đâu phải riêng gì của Khuất Nguyên, mà nó là tâm sự chung của phần đông nhân loại từ xưa đến nay vậy.

Cả đời đục, một mình ta trong,

Cả đời say, một mình ta tỉnh

Lòng tự ái của ta xui ta bao giờ cũng tin tưởng như thế. Điều ta nghĩ luôn luôn đúng; việc ta làm luôn luôn phải. Không đúng, không phải, làm sao ta dám nghĩ, dám làm Thằng bất nhân bất nghĩa nhất trong đời có bao giờ tin mình là bất nhân bất nghĩa đâu. Tào Tháo, một tên gian hùng đệ nhất xưa kia, cũng vẫn tin mình thể thiên hành đạo, mà một trái bom

nguyên tử trên Hiroshima, giết một loạt sáu trăm ngàn người cũng chỉ là một việc làm hết sức nhân đạo: sát nhất miêu cứu vạn thử.

Dầu là một kẻ ngu cũng vẫn tin việc mình là phải. Người xưa nói: Ta có thể đoạt ấn soái giữa chốn ba quân, nhưng không thể đoạt được dễ dàng cái chí của một kẻ thất phu. Câu nói này thật là một câu nói khám phá được cả tâm sự loài người.

Tôi có lý! Đây là một tin tưởng mà cũng là một quả quyết.

Tôi có lý! Đây cũng là một cơ hội để nâng cao cái bản ngã của mình lên, kẻ nào dám đương nhiên xâm phạm là chạm đến sinh mạng thiêng liêng của mình vậy. Mình không thể tha thứ được những ai dám bảo mình lầm.

Tin rằng chỉ có một mình mình có lý, và chỉ tin suông như thế thôi, thì có gì là lạ, mà cũng có gì là hại cho ai đâu. Bất quá là ai có ý kiến nấy. Nguy hiểm là, trong khi ta tin ta có lý, ta lại tin rằng kẻ nào không theo về cùng một ý kiến với ta là sai quấy, là lạc lăm Nghĩa là, trong khi ta tin mình có lý, ta cũng vừa lên án kẻ khác không đồng một ý kiến với ta là sai quấy, là lạc lăm:

Cả đời đục, một mình ta trong,
Cả đời say, một mình ta tỉnh.

Bởi vậy, đời mà không có ta can thiệp đến đời sẽ mê loạn đến bực nào.

Đã tự cho là người giác ngộ, thì cũng vừa là tự ban cho cái sứ mạng cứu đời Bụng thương đời tha thiết của ta khiến ta khó nổi đứng vững với thế sự Lòng nhiệt thành hăng hái về việc cứu đời của ta không cho phép ta có thể thản nhiên được với bọn người dám ngang nhiên công kích kế hoạch cứu thế của ta. Chống lại với ta, là bọn người lạc hậu; nghịch lại với ta, là bọn người phản tiến hóa. Vậy, phận sự của ta, phận sự của con người giác ngộ là phải lo độ kẻ khác, bất cứ bằng phương pháp nào

Trong khi
Đời đục cả, một mình ta trong,
Đời say cả, một mình ta tỉnh.

thì hơi sức nào chiều theo ý của mọi người Bất luận là phương pháp nào, nô lệ, dã man cũng không sao cả, miễn ta cứu độ được người ra khỏi vòng tăm tối là được.

Phận sự của ta chẳng những lo cứu độ đời mà còn phải lo trừng phạt những kẻ nào chặn đứng con đường tiến hóa của nhân loại, nếu cần

Những khẩu hiệu thể thiên hành đạo, tế thế độ nhơn sở dĩ mọc lên như nấm cũng chỉ vì cái bụng yêu đời và lo đời ấy của ta lo cho đời đều theo về cùng một cái khuôn tư tưởng như mình.

Nhưng mà, than ôi, tâm sự của ta, nó cũng lại là tâm sự của mọi người Rồi đây, có lẽ thiên hạ không còn ai có thể dung túng ai được nữa. Ai ai cũng tin:

Cả đời đục, một mình ta trong,
Cả đời say, một mình ta tỉnh.

thì làm gì nhân loại tránh khỏi tao loạn lăm than mà tự cổ chí kim, không thời nào tránh khỏi. Cái bệnh ham làm thầy đời, cái bệnh thà làm đầu con gà hơn làm đít con trâu của ta, nó

là cái tâm bệnh của loài người Bởi vậy, ta mong ước, ta tin tưởng chỉ có một mình ta trong, chỉ có một mình ta tỉnh, để ta có cơ hội lên mặt thầy đời hiu hiu tự đắc: trí hơn người ngu, khôn hơn kẻ dại Rủi mà ngày nào, cái bọn người ngu si mê muội kia mà tiêu mất hết đi rồi, thì cái bọn thầy đời của chúng ta đây dựa vào đâu mà tồn tại! Thế mà ta lại muốn độ cho bọn ngu mê trong thiên hạ đều phải khôn ngoan sáng suốt như ta cả, ta nào có dè ta lại làm một điều mâu thuẫn, ta đang phá hoại cái ngai vàng của ta vậy.

Cái chết của Khuất Nguyên là cái chết dĩ nhiên cái chết tỏ sự bất lực của mình không đủ uy thế để bắt buộc kẻ khác phải nghe theo mình, vì ai ai vẫn tin như mình:

Cả đời đục, một mình ta trong,
Cả đời say, một mình ta tỉnh.

và, bởi có đủ quyền bắt buộc kẻ khác phải nghe theo, nên lẽ dĩ nhiên họ phải sa thải mình, nếu mình không đồng ý kiến với họ Đó là lẽ dĩ nhiên nó phải vậy: kẻ nào mạnh, thì thắng

Khuất Nguyên, với một tâm sự dường ấy, chỉ còn có một cách là tự sát: người ta mà không sát phạt được kẻ khác khi họ chạm đến lòng tự ái của mình thường hay sát phạt lại mình mới hả dạ Những đứa trẻ muốn đánh cho kỳ được bạn nó khi uất ức mà phải bị một lẽ gì trở ngại lòng sát phạt ấy trở sát phạt lại bản thân: nó đâm ngực nó, nó cắn tay nó cho đến chảy máu mới vừa lòng Khuất Nguyên với tâm trạng này, tránh sao khỏi sự hủy mình vào bụng cá.

Còn lão đánh cá?

Tâm sự lão thắc mắc không biết chừng nào Lão là người hiểu tình đời sâu sắc lắm Lão hiểu người như Khuất Nguyên dầu có cố tâm bàn cãi với họ cũng vô hiệu quả

Ôi! Trách người mê, sao không biết trách mình không biết cách làm cho người ta tỉnh? Dạy người mà dạy không đặng, biết đâu chẳng phải vì ta không biết cách dạy Có sao lại biết chắc là vì người ta ngu? Người trí, mỗi khi làm hỏng một điều gì, đều tìm hiểu nguyên nhân để trách mình trước nhất.

Lão sợ dĩ không muốn bàn cãi với Khuất Nguyên thêm nữa, nào phải lão đã đuối lý, cũng đâu phải lão là một kẻ yếu hèn, không dám đương nhiên chống đầu với dư luận, không đủ cương quyết để hô hào cổ vũ hay bắt buộc kẻ khác đồng theo Lão sợ dĩ bỏ ra đi là vì lão biết rõ tâm hồn của Khuất Nguyên bị tình đục tự tôn tự đại. Thử hỏi trong đời có cái tình đục nào mà nhiều hại người một cách thống thiết bằng không; mà cũng có cái tình đục nào làm cho người mờ ám ngu nguội bằng không! Khi mà người ta để cho cái tình đục ấy thống trị con tâm của mình rồi thì trong đời, không còn có một lý lẽ nào có thể đem mình trở về con đường sáng suốt điềm tĩnh được nữa. Dùng lý lẽ để nói chuyện với họ là một việc làm vô ích. Tình đục của mình nó có những lẽ phải, mà chính lẽ phải không sao hiểu nổi.

Hơn nữa, lão đã hiểu rõ cái lẽ tương quan của sự vật, nhứt là cái luật bất bình đẳng tự nhiên của nhân loại, cho nên lão không tin có một ý kiến nào là tuyệt đối, nghĩa là phải, chung cho tất cả mọi người. Cái phải đối với người này chưa ắt cũng là cái phải đối với người kia; cái quấy đối với người kia, chưa ắt cũng vẫn là cái quấy đối với người nọ. Cũng như, chỗ thích của kẻ ngu, người trí lấy làm bực mình, thì cái thích của người trí, kẻ ngu cũng lấy làm bực mình vậy. Trình độ, tâm tính khác nhau thì sự ưa ghét cũng phải khác nhau.

Bởi vậy, lão không tin ở đời có ai dạy được ai. Nếu dạy được thì xưa nay, thánh nhân đã dạy được người đời rồi, cha đã dạy được con, thầy đã dạy được trò, anh đã dạy được em, chồng đã dạy được vợ mà hiện thời nhân loại đã sống được trong cảnh thái bình và thiên đàng rồi vậy. Có dạy được chẳng là những kẻ cũng đồng một tâm hồn, một chí hướng như mình, hễ đồng với ta cho ta là phải, không đồng với ta cho ta là quấy. Cái phải, quấy của người ta bất quá chỉ có bấy nhiêu thôi.

Nghĩ thế, lão không chịu cam thiệp, bắt ép người ta phải theo cùng một ý kiến với mình về điều phải lẽ quấy. Nào phải lão sợ gì thiên hạ bất bình mà bởi lão không chịu những bực thức giả trong đời cười lão là mê muội.

Trong thiên hạ ngày nay, hạng người như Khuất Nguyên lại chiếm hết chín mươi chín phần trăm nhân loại, họ tin quyết rằng:

Đời đục cả, một mình ta trong,

Đời say cả, một mình ta tỉnh.

thế mà mình cũng vẫn băng khuâng tha thiết lo cho họ nhìn nhận cái mê của họ, lòng tự ái đui mù của họ có cho phép họ nhìn nhận cái mê của họ không? Không khéo, rồi mình lại còn mê hơn họ nữa mà không hay! Vậy, mình thà chịu dại còn hơn.

Biết là việc không thể làm, mà cũng cố làm cho kỳ được người đời cho đó là hạng người đại chí; theo lão, lão cho hạng người ấy là hạng làm liều. Người trí, phải chăng là kẻ biết phân biệt rạch ròi những gì có thể làm được và những gì không thể làm được. Cầu may mà được, kẻ ngu lấy làm thích, mà người trí lấy làm lo. Chứ nào phải lão là một kẻ rụt rè ích kỷ, một vật gỗ đá gì mà có thể đứng vững với thế sự, lạnh nhạt với tình đời.

Bực thánh nhân sao lại câu nệ mà không biết tùy thời. Nếu quả thật “đời đục cả, thì sao ta không biết khuấy thêm bùn, vỗ thêm sóng cho mình cùng đục một thể?” Nếu quả thật “đời say cả, thì sao ta không biết ăn cả men húp cả bã cho cùng say theo một thể?”. Con cá mà muốn làm khác loài cá, bỏ nước nhảy lên bờ, thì chết; con hổ mà muốn làm khác loài hổ, bỏ núi ra đồng bằng thì chết. Người ta đều ngu cả mà mình muốn tỏ cái khôn của mình ra để khác biệt với họ, biết đâu lại không vơi họa đến cho mình? Khôn mà biết làm như ngu, mới thật là khôn kín. Học được cái ngu này của lão, đâu phải dễ dàng gì.

Trước cử chỉ ngạo nghễ của Khuất Nguyên tin rằng:

Đời đục cả, một mình ta trong,
Đời say cả, một mình ta tỉnh.

nhất quyết không chịu đem cái thân trong sạch (!) của mình để cho vật dơ bẩn (!) dính vào mình thì bực tức giả như lão đánh cá đây, chỉ còn có một nước là tằm tằm cười quay chèo bơi đi nơi khác không nói một lời ôm theo mình một tâm sự lạnh lùng:

Sông Tương nước chảy trong veo,
Thì ta đem giặt cái lều mủ ta;
Sông Tương nước đục chảy ra,
Thì ta leo xuống để mà rửa chân

Người ta sẽ bảo: cử chỉ bất can thiệp của lão sẽ không lợi gì cho đời, lại còn tai hại cho đời là khác Người ta sẽ không còn ai lo đời nữa, ai ai cũng đều bó gối ngồi không việc thiên hạ rồi sẽ ra như thế nào?

Việc ấy làm gì có được Làm gì có thể cấm con chó sủa, con gà gáy, cũng như làm gì cho cái hạng người như Khuất Nguyên này mà đừng can thiệp đến việc đời Thấy được cái nhu trong cái cương, cũng như thấy được cái cương trong cái nhu nghĩa là có nhận thức được cái mâu thuẫn ngầm chứa trong mọi sự vật trong đời, thì mới mong hiểu được nỗi lòng của hạng người như lão đánh cá này. Những đầu óc chỉ biết suy nghĩ có một chiều như Khuất Nguyên, chỉ biết có một cái phải hay một cái quấy nào; chỉ biết tĩnh là tĩnh, mà động là động, chứ không thể hiểu được trong tĩnh có động, trong động có tĩnh thì làm gì hiểu nổi hành động của lão đánh cá: hạng người này, họ làm, mà như không làm gì cả, họ không làm gì cả, mà không gì là không làm Sở dĩ lão mỉm cười, bỏ ra đi, không nói một lời lý do ta có thể hiểu được.

Nhưng nói cho cùng mà nghe, nếu việc ấy mà có được, nếu vì chủ nghĩa bất can thiệp của lão mà thiên hạ ai ai cũng chỉ biết lo cho nấy, và việc đời rồi sẽ không còn ai lo cho ai nữa cả thì có lẽ sẽ là điều may mắn nhất cho nhân loại biết chừng nào! Nếu mỗi người mà được như lão, ai ai cũng biết lo cho mình, lo cho mình một cách sáng suốt, lo cho mình tới chỗ thật biết thật hiểu, cho một thân thể không đau, một tinh thần không loạn thì có cần ai gì phải can thiệp đến việc ai, mà người người đều hạnh phúc cả. Đời mình mà còn phải có người lo, đâu phải là một cái đời tự do và hạnh phúc. Và, bởi ai ai cũng chỉ biết lo cho đời, hăng hái chỉ có một việc lo đời mà chẳng biết lo mình trước, ai ai cũng tin:

Đời đục cả, một mình ta trong,
Đời say cả, một mình ta tỉnh
mới có cảnh hỗn độn lầm than ngày nay vậy.

Có tự giác mới giác tha, có cứu được mình mới cứu được người. Mình mà còn tham lam thân trữ, nô lệ dục vọng mình, nô lệ thành kiến mình, nô lệ tín ngưỡng mình, còn chết trong

một cái lẽ phải nào thì tốt hơn đừng bận tâm đến việc đòi làm chi để đỡ cho đòi một cái nạn.

Rồi, giữa trời nước bao la nghĩ đến cái kiếp nhỏ nhen hữu hạn của con người trước cái khoảng mệnh mông vô tận của Vũ trụ lòng lão không thể không thắc mắc

Ừ! Cuộc đời rồi cũng chẳng qua là một giấc mộng. Những cuộc doanh hư tiêu trưởng, thành bại, đắc thất ở đời nào đâu phải chỗ sở cầu của con người mà được Đó chẳng qua là cái luật thăng trầm, như ngày đêm tiếp tục mãi mà không thôi vậy. Hễ, “vật cực tắc phản, vật cùng tắc biến”, đấy là một cái luật lạnh lùng của tạo hóa, không ai có thể cưỡng cầu. Lấy sức người mà thay vào cái guồng máy to tát của Vũ trụ, liệu có nên trò trống gì không? Hay chỉ rồi:

Quyền họa phúc trời tranh tất cả,
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai;
Cái quay búng sẵn trên trời,
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

Vậy chứ những lâu đài rực rỡ của những văn minh tự ngàn xưa để lại trên quả địa cầu này đã không chôn vùi lặng lẽ dưới đồng tro tàn

Hai lối nhân sinh, hai đường xử thế mà cũng là hai bầu tâm sự, hai khối tâm hồn không thể sống chung nhau mà vẫn cùng thời gian bất tuyệt phải sống mãi cạnh bên nhau, phải chăng cũng là một nỗi khổ tâm cho cả hai đàng vậy?

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

PHỤ LỤC: XỬ THẾ CÁCH NGÔN

1. Người ta mà bỏ được những cái khôn vặt thì mới khôn lớn được.
2. Đừng có vụ nhỏ bỏ lớn.
3. Nhưng, chớ khinh việc nhỏ: lỗ thủng nhỏ cũng đủ chìm thuyền; chớ khinh vật nhỏ, con sâu con cũng đủ hại mạng.–Quan Doãn
4. Người ta đều biết phòng họa hoạn: Ít người biết làm cho họa hoạn đừng sinh ra.–Lão Tử
5. Trồng dưa thì được dưa,
Trồng đậu thì được đậu.–Thích Ca
6. Hễ có khói, tất có lửa.–Thích Ca
7. Tôi mà thí vua, con mà giết cha đâu phải một buổi sớm một buổi tối mà gây ra.
Nguyên lai lần lần mà đến vậy.–Kinh Dịch
8. Chấp kinh cũng phải biết tòng quyền.
9. Đây thì đổ.–Khổng Tử
10. Trèo cao té nặng.–Cổ Ngạn
11. Kéo chưa biết cầm, mà sai cắt áo, thời hại to.–Tả Truyện
12. Người quân tử, ta nên thân, song cũng không nên quà chiều mà ra phụ họa;
Kẻ tiểu nhân, ta nên tránh, nhưng cũng không nên ruồng rẫy mà sinh ra thù hằn.–Hàm Quang
13. Đừng làm cho ai mất mặt
14. Đừng lấn kẻ đối phương vào nước cùng
Cùng quần áo làm liều.
15. Những điều ta không muốn, thì đừng làm cho kẻ khác.–Luận Ngữ
16. Dưới cái mồi thơm, tất sẽ có con cá chết.–Tam Lược
17. Có của cải mà để không kín đáo, là gọi kẻ trộm đến.–Kinh Dịch
18. Đừng quý của khóặng là làm cho lòng dân không sanh trộm cắp.–Lão Tử
19. Không có đức, mà nhiều của dễ bị tai vạ.–Tiềm Phu
20. Mặt trời đứng bóng, thì xế;
Mặt trăng đã tròn, thì khuyết,
Vật gì thịnh lắm, thì suy.–Thái Trạch
21. Chẳng nên “bới lông tìm vết”.–Hàn Phi Tử
22. Ngu độn thì người ta chê cười;
Thông minh thì người ta ghét vợ và ngờ vực;
Thông minh mà biết làm như ngu, mới thật là khôn kín.–Lữ Khôn
23. Kẻ biết người, là người khôn;
Kẻ biết mình, là người sáng.–Lão Tử
24. Ngàn vàng dễ được;
Lời tốt khó tìm.
25. Người mà nhiều người ghét thì nguy.–Tuân Tử
26. Nhả quá, hóa ra dễ bị lòn;
Nghiem quá, thì không ai thân.–Gia Ngữ
27. Người mẹ hiền quá hay có con hư.–Danh Thiệt Luận

28. Biết, phải biết cho suốt;
Làm, phải làm đến nơi.
Trương Đình Phong
29. Không nên mưu việc lớn với kẻ nói nhiều.–Văn Trung Tử
30. Phàm việc lo sợ thì hay nên!
Khinh thường thì hay hỏng.–Lữ Đông Lai
31. Có sửa trị, hãy sửa trị ngay hồi chưa có loạn. Lo giữ nước, hay lo giữ từ thuở nó
chưa nguy vong.–Kinh Thi
32. Đức nhỏ, mà địa vị cao.
Trí cạn mà mưu sự lớn,
mà không gặp họa là ít thấy vậy.–Kinh Dịch
33. Yên ổn, đừng quên lúc nguy khốn,
Bình Trị, đừng quên lúc loạn ly.–Gia Ngữ
34. Đã sáng, lại khôn, mới giữ được thân.–Kinh Thi
35. Phàm việc chi, nên giữ lại chút nhơn tình, hầu ngày sau dễ thấy mặt nhau.
36. Hễ sinh sự thì sự sinh; mà bớt việc, thì việc bớt.
37. Nước trong quá thì không có cá;
Người xét nét quá thì không có bạn.
38. Trong đạo xử thế, biết trách mình là người khôn; chỉ trách người là người vụng.
39. Dùng người như dùng cây, chớ vì một vài chỗ mục mà bỏ cây to.
40. Ẩn ác dương thiện, là bậc thánh;
Thích thiện, ghét ác, là bậc hiền;
Tánh bạch thiện, ác quá đáng là hạng người thường,
Điên đảo thiên ác, để sừng miệng gièm pha là hạng tiểu nhơn hiểm ác.
41. Khí độ hẹp hòi là cái bệnh to của học giả.
42. Người ta có lẽ độ thời yên;
Kẻ không lẽ độ thời nguy.
43. Sửa điều dở cho ai, chớ nghiêm khắc quá;
Dạy điều hay cho ai, chớ cao xa quá.
44. Dở nhất trong đạo xử thế là không biết nhận thấy cái lỗi của mình.
45. Nói chuyện, chớ châm chọc để người ta buồn.
Nói đùa, chớ cạnh khỏe để người ta đau.
46. Đang khi vui mừng, chớ có nói nhiều
47. Loạn sinh ra bởi lời nói.–Kinh Dịch
48. Lời nói ngọt ngào, trong tất cay đắng.–Thân Sinh
49. Suốt đời làm phải, một câu bạc ác đủ đổ đi cả.–Gia Ngữ
50. Câu nói trái ý, tất phải xét coi câu ấy hợp lý không?
Câu nói chiều lòng, tất phải xét coi câu ấy có vô lý không?–Kinh Thư
51. Người miệng nói khôn khéo quá, tất là người ít nên tin.–Hàn Thi
52. Kẻ nào vâng liêu, dạ liêu, hay hứa liêu tất nhiên ít khi giữ được đúng lời.
53. Miệng là cái cửa của họa phước.
54. Không hứa bậy, nên mình không phụ ai;
Không tin bậy, nên không ai phụ mình.–Ngô Hoài Dã
55. Miệng nói ân huệ, mà không có gì thì chỉ tổ làm cho người ta oán.–Quản Tử
56. Kẻ nào hay theo ý ta mà nói là kẻ tiểu nhân, ta nên xa lánh.–Thân Hàm Quang

57. Câu khen quá đáng của người bạn còn hại hơn câu chê quá đáng của kẻ thù.–Lợi Mã Bảo
58. Kẻ có mặt người, hay nịnh hót, thì khi vắng mặt người, tất cũng hay chê bai.–Trang Tử
59. Cửa chứa nhiều mà không biết dùng, thật là một cái “kho oán”.–Thiết Uyển
60. Tin, mà cũng phải phòng
61. Trong họa, phúc thường mọc sẵn.
Trong phúc, họa thường núp sẵn.–Lão Tử
62. Cây thẳng bị chặt trước;
Giếng ngọt, bị cạn trước.–Trang Tử
63. Ai có cái phúc lạ thường, tất cũng có cái họa lạ lùng.–Liệt Nữ Truyện
64. Lễ nhiều, nói ngọt là mồi thử ta.–Tả Khuru Minh
65. Đối với người phú quý, có lễ độ không khó, có thể thống mới khó.–Lưu Cao
66. Việc được, thì gièm pha nổi lên;
Đức cao, thì chê bai kéo đến.–Hàn Dũ
67. Yêu ai, cũng nên biết điều dở của người ấy;
Ghét ai, cũng phải biết điều hay của người ấy.–Lễ Kỳ
68. Cùng sống chung nhau trong lúc ưu hoạn thì dễ;
Cùng ở chung nhau lúc có quyền lợi thì khó.–Lữ Đông Lai
69. Xưa nay, người tài giỏi mà bại hoại, là vì tính kiêu.–Tăng Quốc Phiên
70. Việc nhỏ mà không nhịnặng ắt hư việc lớn.–Luận Ngữ
71. Xưa nay những bậc anh hùng, chỉ vì không biết chịu thiệt mà làm hại không biết bao nhiêu công việc to tát của mình.–Lâm Trai
72. Xử những việc khó xử, càng nên khoan dung;
Xử với người khó xử, càng nên trung hậu;
Xử thời buổi khó khăn, ngờ vực càng nên tự nhiên như vô tâm.–Lý Tiêu Viễn
73. Kẻ có tánh hay hồ nghi, chớ cùng toan việc lớn.–Kính Viễn
74. Những người cùng thích một việc thường hay ghen ghét lẫn nhau;
Những người cùng lo một việc thường hay thân thiết với nhau.–Chiến Quốc Sách
75. Khéo mà đối trá sao bằng vụng mà thật thà.–Thiết Uyển
76. Nóng nảy bồn chồn, thì việc không xong;
Ham mê lợi nhỏ, thì hỏng việc lớn.–Luận Ngữ
77. Môi hở răng lạnh.–Tả Truyện
78. Nước đổ, khó hốt.
79. Gỡ chỉ rối, không nên nóng nảy.–Cung Toại
80. Người mà nóng nảy, nông nổi, hẹp hòi thì xử việc, việc hay hỏng; tiếp người, người hay giận; mà chính mình cũng phải thiệt thòi.–Lữ Khôn
81. Người mà tính khí bất thường, thì suốt đời không làm nên được việc gì.–Tăng Quốc Phiên
82. Khí, kiêng nhất là hung hăng;
Tâm, kiêng nhất là hẹp hòi;
Tài, kiêng nhất là bộc lộ.–Lữ Khôn
83. Việc tất phải đến thế, lý tất phải như thế; chỉ có người trầm tĩnh mới trông thấy rõ ràng trước được.–Tô Luân

84. Biết người ta dối, không thềm nói ra miệng;
Phải người ta khinh, không thềm giận ra mặt;
Như thế thì ý vị vô cùng mà thu dụng cũng vô cùng.–Súc Đức Lục
85. Thường được nghe những câu trái tai, thường gặp những việc phật ý, cũng là một sự mài giũa cho người ta hay.–Hồng Tự Thành
86. Người ta chưa biết bụng mình, chẳng nên vội cầu cho người ta biết;
Người ta chưa hợp ý mình, chẳng nên vội cầu cho người ta hợp.–Tiết Huyền
87. Kẻ mà ta nói tức, không giận, nếu chẳng phải là người đại lượng, tất là người sâu hiểm.–Lưu Phận
88. Lòng người nham hiểm hơn núi sông.–Trang Tử
89. Cứng quá thì gãy;
Mềm quá thì oặt.–Thân Bất Nghi
90. Việc đáng làm thẳng tay mà không dám thẳng tay, thường dễ bị hại.–Hán Thu
91. Kẻ hay giết, không hay tha là người bạc ác.
Kẻ hay tha, không hay giết, là người nhu nhược.
92. Làm những việc to lớn, thì đừng chấp nệ những oán nhỏ.–Quang Vũ
93. Tự khiêm, thì người ta càng phục;
Tự khoe, thì người ta càng khinh.
94. Kẻ đại gian giống như người trung;
Kẻ đại ác giống như người tín.–Lữ Hối
95. Bất cập là dở, mà thái quá cũng không hay gì.–Luận Ngữ
96. Quen biết sơ sài mà câu nói thân thiết, thế là người ngu.–Thôi Nhân
97. Ở đời loạn, chớ nên xa xỉ lắm.
Nguy vong tại đó.–Tăng Quốc Phiên
98. Người đi đêm, tuy không phải gian, nhưng không thể cấm chó cắn.–Chiến Quốc Sách
99. Kẻ bất nhân mà ta ghét bỏ quá tệ, là khích nó làm càn.–Luận Ngữ
100. Đã nuôi cạp, thì phải cho nó ăn no, không thì phải bị nó ăn mất.
101. Lửa bốc lên cao,
Nước chảy xuống thấp,
Thế mà lửa bao giờ cũng thua nước.–Văn Trung Tử
102. Vật trong thiên hạ chẳng gì mềm bằng nước thế mà to vô hạn, sâu vô cùng.–Hoài Nam Tử
103. Ngọt mật chết ruồi.–Cổ Ngạn
104. Cái tay giận dữ không đánh nổi cái mặt tươi cười.–Cổ Ngạn
105. Muốn cho nước sôi nguội dần, mà một người đun, trăm người khuấy, cũng vô ích.
Sao bằng rút củi ra và tắt lửa đi.
106. Đem xương trừ kiến, kiến lại càng nhiều.
Lấy cá đuổi ruồi, ruồi lại càng đến.
107. Việc sắp xảy ra mà ngăn được;
Việc đương xảy ra mà cứu được;
Việc đã hỏng mà vớt lại được;
Thế là người có quyền biến, có tài năng;
Nhưng, chưa có việc mà biết có việc sắp đến;

- Mới có việc mà biết việc sau sẽ như thế nào;
 Định việc mà biết việc xảy ra như thế này thế kia;
 Thế là người biết lo xa, người có kiến thức.–Lữ Khôn
108. Nền không chắc mà tường cao thì sự đổ nát đã nằm sẵn ở đó rồi.–Hậu Hán Thư
109. Nhân đức vật, khí khái xằng thường làm hại công việc lớn.–Luận Ngữ
110. Phàm lúc nguy cấp, chỉ nên trông cậy những điều của mình, không nên trông cậy những điều của người.–Tăng Quốc Phiên
111. Tự trách mình nhiều mà trách người ít, không ai oán.–Luận Ngữ
112. Tự mình không biết mình là một điều hại lớn.–Lữ Thị Xuân Thu
113. Lấy oán báo oán, thì oán oán chập chồng;
 Lấy đức báo oán, thì oán oán tiêu tan.–Thích Ca
114. Biết ta, biết người, trăm trận, trăm thắng.–Tôn Tử
115. Sai một ly, đi một dặm.–Khổng Tử
116. Làm người thật khó.–Hậu Hán Thư
117. Cái ngu nhất của con chuột bị bẫy, là không ăn được miếng mồi đã lừa nó vào cạm.–Friedrich Hebbel
118. Tôi chưa từng gặp một người nào mà tôi không tìm thấy ở họ một cái gì đáng cho tôi học hỏi.–Alfred de Vigny
119. Đáng trọng phụ là kẻ không bao giờ làm một điều gì để hạ thấp một người khác.–Herbert N. Casson
120. Sống với người bạn thân, phải phòng lúc họ hết thân, và biến thành kẻ thù của mình.–Richelieu
121. Tai họa như một con dao; mình có thể dùng nó để cắt, hoặc bị nó cắt, tùy theo mình biết nắm đang chuôi hay đang lưỡi.–James Russel
122. Nếu mỗi khi anh nghe chó sủa mà dừng chân lại, thì không bao giờ anh đi được suốt đường.–Tục ngữ Ả Rập
123. Người “cho ra” sẽ có nhiều hạnh phúc hơn kẻ “thụ lãnh”.–Actes des Apôtres (XX-35)
124. Cái ngu của người xưa dạy ta nhiều hơn là cái khôn của họ.–Lữ Đông Lai
125. Không có người tử thù nào đáng sợ bằng kẻ mà mình chế nhạo.–Raymond Offner
126. Thường sự bất hòa hay xảy ra giữa những kẻ thân yêu trong gia đình, là vì nơi đây người ta hay nói trắng sự thật.–Raymond Offner
127. Đau khổ làm cho người trở thành khôn ngoan sáng suốt hơn là hạnh phúc.–Raymond Offner
128. Trong mọi kẻ thù của ta không ai nguy hiểm bằng kẻ mà trước đây đã là bạn thân của ta.–Anatole France
129. Có tiền bạc, thì cứ cho, mà đừng có cho mượn. Cho, bất quá là tạo ra một người vô ân; còn cho mượn, lại tạo ra thành kẻ thù.–Alexandre Dumas Fils
130. Không nên thường thăm viếng những người bạn chí thân của mình, nếu anh muốn gìn giữ họ lâu dài.–Henry Becques
131. Yêu thương ai, là không nên so sánh người ấy với một ai khác nữa cả.–Bernard Grasset

132. Óc châm biểm, tức là óc nhỏ nhen. Châm biểm là cái cặn bã hôi thối của óc phê bình.–Pierre Reveroy
133. Cái “Ta” thật là rất đáng ghét vâng! Nhưng đó là nói về cái “Ta” của kẻ khác.–Paul Valéry
134. Thích nghe gièm siểm là làm mối cho nhiều kẻ dèm pha.
135. Chỉ có người ngu mới tin mình là bậc Thánh, và chỉ bậc Thánh mới biết rõ cái ngu của mình.–Shakespeare
136. Cần có nhiều bạn, nhưng rất ít bạn tâm tình.–A. de Tyane
137. Không yêu gì cả, mà cũng chả ghét gì cả: đó là được phân nửa sự khôn ngoan rồi.
Không nói gì cả, cũng chả tin gì cả: đó là phân nửa phần khôn ngoan kia còn lại.–Schopenhauer
138. Bất cứ một ai đều có một con heo đang ngủ trong lòng mình.–Charles Monselet
139. Sắc đẹp vời kẻ trộm đến mau lẹ còn hơn là ngọc vàng châu báu.–Shakespeare
140. Cái phách lối hỗn xược của kẻ khác sở dĩ làm cho ta khó chịu, là chính vì nó chạm đến cái tánh phách lối hỗn xược của ta.–La Rochefoucauld
141. Đối với một kẻ đã cướp vợ anh, thì không còn có cách trả thù nào thâm thúy hơn là hãy nhường cái con đàn bà bạc tình ấy cho nó luôn.–Sacha Guitry
142. Đời ta sẽ trở nên thú vị khi nào ta nhất quyết xem thường nó.–Henrey de Montherlant
143. Nói dối với ai là một cách gián tiếp đề cao người ấy là người mà ta nể sợ.–Samuel Butler
144. Chân lý như ánh sáng làm chói mắt;
Còn sự giả dối, trái lại như buổi hoàng hôn làm cho mỗi vật đều nổi lên đẹp đẽ!–Albert Camus
145. Tôi đã khám phá ra được điều này: tất cả tai họa của con người đều do họ không biết sống yên tĩnh trong căn phòng của họ.–Blaise Pascal
146. Từ chối sự khen ngợi, là muốn người ta khen mình thêm lần nữa.–La Rochefoucauld
147. Đây là hai câu chân lý mà thiên hạ phần đông không chịu công nhận: một là họ không biết gì cả; hai là họ không ra cái gì cả.–Giacono Leopardi
148. Có nhiều trường hợp mà nói dối lại là phận sự tối cao của con người.–Eugène Labiche
149. Châm ngôn vàng ngọc cho những kẻ có quyền thế lớn: Nếu có kẻ nào cúi xuống liếm chân anh, hãy lấy chân mà gác chặn trên đầu nó, phòng khi nó sẽ chồm lên mà cắn anh.–Paul Valéry
150. Quyển sách là một tấm gương: nếu một con khỉ mà nhìn vào, chắc nó sẽ không tìm thấy cái ảnh của bậc thành trí hiện ra.–Gustave C. Lichtenberg
151. Có nhiều cái Ân to lớn quá, đến nỗi người ta không còn làm thế nào để trả nổi khác hơn là bội phản cái Ân ấy đi.–Alexandre Dumas Père
152. Người ta nói rằng: không có ai là bậc anh hùng đối với anh bởi phòng của họ! Anh bởi phòng làm gì biết được những bậc anh hùng, mà chắc chắn chỉ biết những người cùng một hạng với họ thôi.–Goethe

153. Khi có một bậc nhân tài xuất thế, người ta sở dĩ nhận ra được là thấy tất cả bọn ngu đều nổi lên chống báng.–Fréron
154. Hãy nên có nhiều kẻ thù!
Bạn thân của anh, rồi họ cũng sẽ chán nói đến anh; chứ những kẻ thù của anh thì chả bao giờ họ quên nhắc đến tên anh.–Pierre Veber
155. Số kẻ thù của ta sẽ tăng lên theo cái giá trị càng lên cao của ta; nhưng đồng thời, bạn ta cũng nhân đó mà tăng lên.–Paul Valéry
156. Sự phê phán về ta của những kẻ thù ta gần với sự thật hơn là của ta.–La Rochefoucauld
157. Kẻ nô lệ chỉ có một người chủ thôi. Trái lại, người tham vọng thì chủ họ là tất cả những ai có thể làm lợi cho tài sản, sự nghiệp của họ.–La Bruyère
158. Đời là một trò hề đối với những ai ham suy nghĩ, nhưng lại là một tấn bi kịch đối với những người đa cảm.–Horace Walpole
159. Cái tuyệt hay lại là tử thù của cái hay.–Montesquieu
160. Đầy quá, thì tràn Trong “chén rượu đời”, thường khi chỉ thêm một giọt là nó sẽ tràn ra mùi chán ghét.–Sainte Beuve
161. Đừng biện bác bao giờ cả, anh sẽ không bao giờ làm cho hoặc lẽ được ai đâu; ý kiến của người ta giống như là cây đinh: càng đập vào nó, càng làm cho nó lún sâu thêm.–A. Dumas Fils
162. Sự dối trá làm chết tin yêu. Nhưng sự thật trắng trợn cũng đâu có làm cho nó sống được.–Etienne Rey
163. Cái ảo vọng cuối cùng của ta là tin rằng mình không còn ảo vọng gì nữa cả.–Maurice Chapelan
164. Càng cao lên tức là càng thấy mình trở thành lạnh lùng.–R. Offner
165. Đối với người ích kỷ thì chả còn có gì là thiêng liêng cả.–R. Offner.

Xin gửi lời cảm ơn anh Huỳnh Quốc Hùng,
người đã tặng tôi cuốn sách quý này.

HẾT.
